

Số: **324**/QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày **14** tháng **11** năm **2017**

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt đề án “Phát triển xuất khẩu hàng hóa tỉnh
Quảng Trị đến năm 2020, định hướng đến năm 2030”**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 2417/QĐ-TTg ngày 28/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa thời kỳ 2011-2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 950/QĐ-TTg ngày 25/07/2012 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Chương trình hành động thực hiện chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa thời kỳ 2011 - 2020, định hướng đến năm 2030;

Quyết định số 2661/QĐ-UBND ngày 05/12/2014 của UBND tỉnh Quảng Trị ban hành kế hoạch hành động thực hiện chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa thời kỳ 2011 - 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 12/2016/NQ-HĐND ngày 19/8/2016 của HĐND tỉnh Quảng Trị về phương hướng, nhiệm vụ, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2016 - 2020;

Xét đề nghị của Sở Công Thương tại Tờ trình số 4565/TTr-SCT ngày 12/10/2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này “Đề án phát triển xuất khẩu hàng hóa tỉnh Quảng Trị đến năm 2020, định hướng đến năm 2030”.

Điều 2. Giao Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *ny*

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ Công Thương (B/c)
- TT/HĐND tỉnh (B/c);
- Chủ tịch, các PCT tỉnh;
- Lưu: VT, TM

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Quân Chính

ĐỀ ÁN

**PHÁT TRIỂN XUẤT KHẨU HÀNG HÓA TỈNH QUẢNG TRỊ
ĐẾN NĂM 2020, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030**

(Kèm theo Quyết định số 3224/QĐ-UBND, ngày 14/11/2017 của UBND tỉnh)

**I. THỰC TRẠNG TĂNG TRƯỞNG VÀ CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU XUẤT
KHẨU CỦA TỈNH QUẢNG TRỊ GIAI ĐOẠN 2006 - 2016**

1. Thực trạng tăng trưởng xuất khẩu và nhập khẩu

a) Về kim ngạch xuất nhập khẩu:

Cán cân xuất nhập khẩu của tỉnh trong giai đoạn 2006-2015 chủ yếu ở trong tình trạng nhập siêu. Năm 2005, tình trạng nhập siêu đạt mức -20,6 triệu USD (bằng một nửa so với mức -40,6 triệu USD kim ngạch xuất nhập khẩu của doanh nghiệp cả nước qua địa bàn tỉnh Quảng Trị). Trong giai đoạn 2010- 2011, tình trạng nhập siêu có giảm so với giai đoạn trước, đặc biệt nhập siêu xuống mức -1,1 triệu USD năm 2011, tuy nhiên tình trạng nhập siêu tăng trở lại trong giai đoạn 2012-2014 với mức bình quân -24,5 triệu USD/năm. Tính đến hết 2015, tình trạng nhập siêu giảm trở lại, đạt mức -6,8 triệu USD. Năm 2016, do tỷ lệ nhập khẩu giảm 66,65% so với cùng kỳ lên cán cân xuất nhập khẩu xoay chiều về tình trạng xuất siêu đạt mức kỷ lục từ trước đến nay.

Kim ngạch xuất nhập khẩu bình quân đầu người của tỉnh cho thấy mức độ nhập siêu giảm mạnh trong giai đoạn 2005- 2011, từ -33 USD/người giảm xuống -2 USD/người (giảm 16 lần). Trong suốt giai đoạn 2011-2015, kim ngạch xuất nhập khẩu đầu người của tỉnh luôn ở mức cao, đặc biệt là trong năm 2012 và 2014, cùng với tình trạng nhập siêu của cả nước, kim ngạch xuất nhập khẩu luôn ở mức cao, chạm ngưỡng -44 USD/ người. Tính đến hết năm 2015, kim ngạch xuất nhập khẩu bình quân đầu người của tỉnh là -11 USD/ người (tỷ lệ này của cả nước là -39 USD/ người). Năm 2016, kim ngạch xuất nhập khẩu trên địa bàn tỉnh đạt mức dương khoảng 173 USD/người (tỷ lệ này của cả nước khoảng 27,6 USD/người).

Dễ nhận thấy, kim ngạch xuất nhập khẩu các doanh nghiệp trên địa bàn chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ trong kim ngạch xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp thông quan qua cửa khẩu tỉnh Quảng Trị. Cụ thể, trong giai đoạn 2011-2015, bình quân hàng năm, kim ngạch xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị chỉ chiếm khoảng 6% so với kim ngạch xuất nhập khẩu các doanh nghiệp trên cả nước thông quan qua cửa khẩu tỉnh Quảng Trị. Điều này cho thấy, nhập siêu trên địa bàn tỉnh chủ yếu đến từ ảnh hưởng nhập siêu của các doanh nghiệp trên cả nước thông quan qua Quảng Trị.

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng nhập siêu ở Việt Nam nói chung và ở tỉnh Quảng Trị nói riêng. Trước hết là do khả năng cạnh tranh của hàng hóa Việt Nam trên thị trường cả trong nước và quốc tế còn kém, chi phí cho sản xuất, chi số tiêu hao nguyên, nhiên liệu, vật tư ở Việt Nam cao hơn so với các nước khác đã làm tăng nhu

cầu nhập khẩu một cách kém hiệu quả, từ đó dẫn đến giá trị xuất khẩu của chúng ta không theo kịp với giá trị nhập khẩu. Thứ hai, do hàng hóa xuất khẩu từ nội địa giảm do tác động của Thông tư 109/2014/TT-BTC hướng dẫn thực hiện một số điều của Quyết định 72/2013/QĐ-TTg quy định cơ chế, chính sách tài chính đối với Khu kinh tế cửa khẩu (có hiệu lực từ 1/10/2014). Cụ thể, 17 nhóm mặt hàng tiêu dùng thuộc Danh mục hàng hóa không thực hiện thủ tục hải quan khi xuất khẩu vào khu phi thuế quan (KTM Lao Bảo) sẽ không được áp dụng thuế suất giá trị gia tăng (GTGT) mức 0%.

Nhập siêu tăng cao còn xuất phát từ những nguyên nhân khác như tâm lý chuộng hàng ngoại rất phổ biến trong dân cư có tác động tăng nhập khẩu hàng tiêu dùng. Sự phối hợp giữa các cơ quan, ban, ngành ban hành chính sách, thực thi và kiểm tra giám sát hoạt động nhập khẩu còn chưa chặt chẽ, đồng bộ. Sự tham gia của nhiều bộ, ngành tham gia công tác ban hành chính sách, điều hành và quản lý nhà nước về nhập khẩu, làm chông chéo chức năng, nhiệm vụ, khó tạo ra sự nhất quán và hợp lý. Việc sử dụng công cụ thuế quan để hạn chế nhập khẩu một số mặt hàng như ô tô, linh kiện lắp ráp... chưa có sự chủ động, thời điểm đôi lúc không thích hợp cũng gây nên hiện tượng đầu cơ làm nhập khẩu tăng cao...

Quảng Trị với vị trí là điểm đầu của Hành lang kinh tế Đông - Tây về phía Việt Nam có 2 Cửa khẩu Quốc tế là Lao Bảo và La Lay, đặc biệt Cửa khẩu Quốc tế Lao Bảo- ĐenSavan được chọn triển khai thí điểm “Một cửa, một lần dừng” thì hoạt động xuất nhập khẩu của tỉnh không chỉ phản ánh tình hình xuất khẩu và nhập khẩu của địa phương mà còn của các khu vực lân cận. Trong giai đoạn tới, để hạn chế tình trạng nhập siêu của tỉnh, cần có những giải pháp mang tính hệ thống, như cải thiện hành lang pháp lý, cơ chế hỗ trợ hàng nội địa, tăng sức cạnh tranh quốc tế của hàng hóa Việt Nam, chuyển dịch cơ cấu hàng hoá hàng xuất khẩu nhằm tăng giá trị xuất khẩu, xúc tiến thương mại cấp nhà nước, chú trọng các hoạt động ngoại giao kinh tế để đạt được những thỏa thuận song phương về cán cân thương mại. Để thực hiện được những giải pháp nói trên cần có sự đánh giá phân tích cơ cấu nội tại xuất khẩu đang diễn ra trên địa bàn tỉnh, dựa trên thực tế để có những chính sách, định hướng phát triển hoạt động xuất khẩu trong giai đoạn tới.

b) Tăng trưởng xuất khẩu

Trong giai đoạn 2006 - 2016, hoạt động xuất khẩu của tỉnh Quảng Trị đã có bước phát triển đáng ghi nhận. Tổng kim ngạch xuất khẩu của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đạt mức 1,033 tỷ USD (so với 1,130 tỷ USD kim ngạch xuất khẩu thông quan qua cửa khẩu tỉnh Quảng Trị), với tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu bình quân giai đoạn là 29,00%, riêng giai đoạn 2006- 2010 với những thuận lợi của nền kinh tế, hoạt động xuất khẩu tăng trưởng mạnh mẽ với tốc độ tăng trưởng bình quân 38,71% (từ 12 triệu USD trong năm 2005 lên đến 63 triệu USD trong năm 2010). Cuộc khủng hoảng và suy thoái kinh tế toàn cầu diễn ra từ cuối năm 2008 đã ảnh hưởng đến hoạt động xuất khẩu của nước ta nhưng Quảng Trị vẫn duy trì hiệu quả hoạt động xuất khẩu, tăng trưởng giai đoạn 2011-2016 đạt 21,43%/năm. Đặc biệt trong giai đoạn từ 2014-2016, kim ngạch xuất khẩu các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh luôn đạt mức trên 200 triệu USD/ năm. Việc khắc phục những vấn đề nội tại, sự khó khăn đến từ những nguồn hàng, giá cả thiếu ổn định, thị trường nhập khẩu của tỉnh khi nhu cầu giảm cùng với

những tiêu chuẩn về hàng hoá nhập khẩu ngày càng cao hơn giúp các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh vẫn đảm bảo được mức xuất khẩu lớn trong bối cảnh hiện nay.

STT	Năm	Kim ngạch xuất khẩu của doanh nghiệp cả nước qua CK trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (USD)			Kim ngạch xuất khẩu của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (USD)				
			Tốc độ tăng giai đoạn 2006-2010	Tốc độ tăng giai đoạn 2011-2016	Tốc độ tăng giai đoạn 2006-2016		Tốc độ tăng giai đoạn 2006-2010	Tốc độ tăng giai đoạn 2011-2016	Tốc độ tăng giai đoạn 2006-2016
1	2005	25.717.224				12.344.000			
2	2010	179.517.620				63.383.200			
3	2011	157.500.178				80.787.500			
4	2012	177.791.553				95.759.000			
5	2013	229.318.553				132.281.200			
6	2014	192.075.470				225.323.000			
7	2015	85.753.236				233.212.000			
8	2016	126.943.071				203.167.000			
	Tổng		48,67%	-5,01%	16,04%		38,71%	21,43%	29,00%

Trong giai đoạn từ 2011- 2016, có thể nhận thấy rằng tỉnh Quảng Trị có kim ngạch xuất khẩu thuộc nhóm thấp so với các tỉnh trong nước. Khoảng cách giữa nhóm các tỉnh có kim ngạch xuất khẩu đứng đầu như Thành phố Hồ Chí Minh, Bắc Ninh, Hà Nội so với Quảng Trị vẫn còn khá xa. Đặc biệt trong năm 2016, do kim ngạch xuất khẩu tỉnh Quảng Trị xuống thấp, khoảng cách từ top 3 tỉnh thành có kim ngạch xuất khẩu lớn nhất cả nước lên tới 10 tỷ USD.

So với các tỉnh lân cận như Hà Tĩnh, Đà Nẵng, Quảng Trị có giá trị kim ngạch xuất khẩu nhỏ hơn khá nhiều. Trong giai đoạn 2011-2016, tổng kim ngạch xuất khẩu của tỉnh là 0,77 tỷ USD, trong khi ở Hà Tĩnh là 2,14 tỷ, Đà Nẵng là 5,36 tỷ USD. Điều này cho thấy Quảng Trị vẫn chưa khai thác được tiềm năng về xuất khẩu trên địa bàn khi so sánh với các tỉnh có nhiều điểm tương đồng về địa lý, đặc điểm tài nguyên môi trường.

c) Tăng trưởng nhập khẩu

Hoạt động nhập khẩu trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2006-2016, do chịu ảnh hưởng chung của tình hình kinh tế trong nước và kinh tế quốc tế, diễn biến khá giống với tình hình kim ngạch xuất khẩu trong cùng giai đoạn.

Tốc độ tăng trưởng bình quân kim ngạch nhập khẩu giai đoạn 2006-2010 đạt 15,70%, đưa kim ngạch nhập khẩu từ 33 triệu USD trong năm 2006 đạt mức 68 triệu USD trong năm 2010 (tăng gấp 2 lần) và tăng mạnh trong giai đoạn 2011 -2015, đưa kim ngạch nhập khẩu các doanh nghiệp trên địa bàn tăng từ 68,4 triệu USD năm 2010, đạt đỉnh 252,4 triệu USD năm 2014 (doanh số nhập khẩu tăng gần 4 lần) và giảm ngay sau đó khi chỉ đạt 207 triệu trong năm 2015, sau đó giảm mạnh còn 90,5 triệu USD tính đến hết năm 2016 và chính kim ngạch năm 2016 đã kéo tốc độ tăng trưởng giai đoạn 2006-2016 đạt bình quân 8,39%. Có thể thấy rằng sự khó khăn chung của nền kinh tế đã ảnh hưởng đến sức hấp thụ hàng hoá nhập khẩu của tỉnh, dẫn đến kim ngạch xuất khẩu gãy đà tăng trưởng.

STT	Năm	Kim ngạch nhập khẩu của doanh nghiệp cả nước qua địa bàn tỉnh Quảng Trị (USD)			Kim ngạch nhập khẩu của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (USD)				
			Tốc độ tăng giai đoạn 2006-2010	Tốc độ tăng giai đoạn 2011-2016	Tốc độ tăng giai đoạn 2006-2016	Tốc độ tăng giai đoạn 2006-2010	Tốc độ tăng giai đoạn 2011-2016	Tốc độ tăng giai đoạn 2006-2016	
1	2005	64.293.059							
2	2010	449.417.130							
3	2011	406.931.147							
4	2012	377.952.777							
5	2013	583.753.275							
6	2014	560.367.640							
7	2015	294.484.031							
8	2016	131.621.718							
	Tổng		47,08%	-18,51%	6,58%		15,70%	2,65%	8,39%

Trong giai đoạn 2006 - 2010, tỷ lệ kim ngạch nhập khẩu hàng hóa so với GDP của tỉnh Quảng Trị luôn duy trì ở mức cao, đạt tỷ lệ bình quân ổn định 25%/năm. Đến giai đoạn 2010 - 2013, do cuộc khủng hoảng và suy thoái kinh tế toàn cầu, nên kim ngạch xuất khẩu so với GDP của tỉnh không ổn định, tuy nhiên vẫn đạt bình quân 18%/năm, thấp hơn giai đoạn 5 năm trước đó (25%). Tính chung cả giai đoạn 10 năm (2006 - 2015), tỷ lệ kim ngạch xuất khẩu hàng hóa so với GDP của tỉnh đạt 27%.

Hoạt động nhập khẩu các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị trong giai đoạn 2006-2016 chiếm khoảng 34-35% tổng kim ngạch nhập khẩu các doanh nghiệp thông qua tỉnh Quảng Trị. Đến giai đoạn 2010-2016, bên cạnh sự tăng trưởng về số tuyệt đối kim ngạch nhập khẩu, tỷ lệ nhập khẩu doanh nghiệp trên địa bàn so với doanh nghiệp trên cả nước thông qua cửa khẩu tỉnh Quảng Trị gần như tăng đều qua các năm (2010: 15%; 2016: 75,88%).

2. Tình hình chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2006 - 2016

a) Cơ cấu xuất khẩu phân theo mặt hàng

Tỉnh Quảng Trị có 290.476 ha đất lâm nghiệp có rừng, trong đó có 129.606 ha rừng sản xuất, 94.301 ha rừng phòng hộ và 66.567 ha rừng đặc dụng. Với diện tích trồng rừng lớn, nhóm hàng gỗ và các loại sản phẩm từ gỗ chính là một trong những mặt hàng trọng điểm xuất khẩu của tỉnh. Từ năm 2011, nhóm hàng gỗ các loại đã có kim ngạch xuất khẩu đạt 18,93 triệu USD, đóng góp tới 23,43% kim ngạch xuất khẩu của tỉnh và tăng dần đến năm 2014 đạt 109,87 triệu USD, chiếm tỷ trọng 48,76% tổng kim ngạch. Đến năm 2015, nhóm hàng gỗ các loại bắt đầu có xu hướng giảm sút, chỉ đạt 84,5 triệu USD, đóng góp 36,23% tỷ trọng xuất khẩu của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Năm 2016, mặc dù kim ngạch xuất khẩu giảm nhẹ so với năm 2015 nhưng kim ngạch xuất khẩu gỗ các loại vẫn chiếm tỷ trọng khá ổn định, gần 44,67% kim ngạch xuất khẩu toàn tỉnh.

Bên cạnh mặt hàng gỗ, nhóm hàng xuất trực tiếp có nguồn gốc từ cây công nghiệp và nông sản như cao su, cà phê, sắn và các sản phẩm từ sắn, rau quả có sự đóng

góp đáng kể và khá ổn định, hàng năm chiếm trên dưới 32% giá trị xuất khẩu toàn tỉnh. Các mặt hàng như cao su, cà phê, sắn và tiêu (năm 2016) tuy có tăng về kim ngạch xuất khẩu từ 30,1 triệu USD năm 2010 lên 37,2 triệu USD năm 2015 và 33,64 triệu USD năm 2016 nhưng xét về mặt tỷ trọng giảm từ 37,26% năm 2011 xuống còn 16% năm 2015 và 16,2% năm 2016. Riêng nhóm mặt hàng rau quả chỉ được chú trọng xuất khẩu từ năm 2014, nhưng giá trị nhóm mặt hàng này liên tục tăng và đóng góp đáng kể vào tổng giá trị xuất khẩu của tỉnh từ 10,74% trong năm 2014 lên đến 19,48% năm 2016.

Nhóm ngành khoáng sản mà cụ thể là titan, chiếm tỷ trọng 4,2% tương ứng 3,5 triệu USD vào năm 2011 và đạt đỉnh là 7,4 triệu USD tương ứng tỷ trọng 5,6% kim ngạch xuất khẩu năm 2013 sau đó giảm còn 2,3 triệu USD tương ứng tỷ trọng 0,98% kim ngạch xuất khẩu năm 2015 và 0,1 triệu USD tương ứng tỷ trọng 0,06% kim ngạch xuất khẩu năm 2016 mặc dù đã cải tiến về mặt công nghệ. Tuy nhiên, điều này phù hợp với xu thế hạn chế xuất khẩu khoáng sản thô.

Các mặt hàng còn lại chiếm tỷ trọng khá ổn định với tốc độ tăng nhẹ trong suốt thời gian 2011 - 2016 mặc dù có năm tăng đột biến nhưng không đáng kể như: Các sản phẩm từ sắn lớp cao su chiếm tỷ trọng khá ổn định khoảng 5- 6%, phân bón NPK chiếm tỷ trọng trên dưới 3%, sắt thép chiếm khoảng 2%, điện chiếm khoảng 1,4%, phương tiện vận tải và phụ tùng chiếm 3,7%, thực phẩm chế biến chiếm 8,6%, bánh kẹo và ngũ cốc chiếm 2,3% kim ngạch xuất khẩu hàng năm.

Tuy nhiên, giá trị xuất khẩu theo mặt hàng trên địa bàn tỉnh không đạt mức cao như tiềm năng thực tế, một phần là do công suất sản xuất, chế biến thực tế thấp hơn so với công suất thiết kế; một phần là vì các doanh nghiệp này gia công cho các công ty tổng ở địa phương khác nên sản phẩm được chuyên đến cho các doanh nghiệp ở địa phương khác xuất khẩu (như ngành may mặc) hoặc xuất khẩu còn gặp khó khăn nên bán lại cho các doanh nghiệp ở địa phương khác (như tiêu, khoáng sản, thủy sản) hoặc xuất khẩu tiểu ngạch (như chuối). Cụ thể, đối với lĩnh vực thủy sản, mặc dù có 06 nhà máy, doanh nghiệp trên địa bàn với công suất thiết kế 56.000 tấn/năm nhưng trong năm 2016, khối lượng sản xuất thực tế chỉ đạt khoảng 12.500 tấn/năm và xuất khẩu trực tiếp khoảng ¼ trong số này; đối với lĩnh vực may mặc có 4 công ty với công suất 6 triệu sản phẩm/năm, thực tế chỉ đạt 3,8 triệu sản phẩm và phần lớn sản phẩm được chuyên về tổng công ty ở địa phương khác để xuất bán; đối với mặt hàng rau quả có lợi thế trên địa bàn tỉnh như chuối, sản lượng xuất khẩu 72.000 nghìn tấn/năm với kim ngạch khoảng 12 triệu USD và được xuất khẩu tiểu ngạch, khối lượng hạt tiêu đã bán cho các doanh nghiệp trong nước khoảng 1.400 tấn và xuất khẩu trực tiếp rất ít; đối với mặt hàng gỗ và các sản phẩm từ gỗ thì giá trị sản xuất tập trung chủ yếu ở một số công ty như Công ty cổ phần Gỗ MDF VRG - Quảng Trị, các nhà máy chế biến dăm gỗ như Công ty TNHH chế biến lâm sản Shaiyo AA Quảng Trị, Công ty TNHH Nguyên liệu giấy Quảng Trị, Công ty CP Tiên Phong, Công ty TNHH Phương Thảo, các nhà máy sản xuất viên nén như Công ty CP TCTTMQT- Viên nén, Cát Hưng Thịnh - Viên nén, Nhà máy năng lượng tái tạo Phát Đạt... nhưng các nhà máy dăm gỗ hoạt động không hết công suất thiết kế, các nhà máy viên nén phần lớn ngừng hoạt động hoặc hoạt động cầm chừng, tổng giá trị xuất khẩu trong năm 2016 đạt khoảng 92,8 triệu USD.

b) Cơ cấu xuất khẩu phân theo thành phần kinh tế

Hoạt động xuất khẩu hàng hóa trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua có sự tham gia của tất cả các khu vực kinh tế nhà nước, kinh tế tư nhân và khu vực kinh tế có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI).

Trong cơ cấu thành phần tham gia xuất khẩu hiện nay trên địa bàn tỉnh, kinh tế tư nhân chiếm tỷ trọng cao nhất 82%, tiếp đến là kinh tế trung ương 13%; FDI là thành phần chiếm tỷ trọng thấp nhất, chỉ với 5%. Đây là điểm khác biệt của tỉnh so với nhiều tỉnh thành khác và so với cả nước (đối với xuất khẩu hàng hóa của cả nước, đến năm 2015 tỷ trọng của khu vực kinh tế trong nước đạt 35,1%; của khu vực FDI đạt 67,9%).

Kim ngạch xuất khẩu giai đoạn 2011-2016 đạt 1,033 triệu USD, gấp gần 4 lần so với giai đoạn 2006-2010 (tổng kim ngạch xuất khẩu khoảng 205 triệu USD); trong đó: kinh tế nhà nước ước đạt 146,6 triệu USD, gấp 2,8 lần; kinh tế tư nhân ước đạt 545 triệu USD, gấp 3,7 lần; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 40 triệu USD, gấp 7,46 lần so với giai đoạn 2006-2010.

c) Cơ cấu xuất khẩu phân theo thị trường

Thị trường xuất khẩu của tỉnh trong thời gian qua liên tục được mở rộng. Trong giai đoạn 2006-2010, hàng hóa của tỉnh chủ yếu xuất khẩu sang các nước láng giềng và ở châu Á như Trung Quốc, Thái Lan, Lào, Campuchia. Nhưng, từ năm 2010 trở lại đây, các doanh nghiệp xuất khẩu trên địa bàn Tỉnh đã tăng cường xuất khẩu sang thị trường mới các nước châu Âu và các nước Trung Nam Á. Tuy nhiên, trọng điểm xuất khẩu của tỉnh Quảng Trị vẫn hướng tới các thị trường lân cận như Lào, Thái Lan và Trung Quốc.

Trong đó, tính đến năm 2016, Trung Quốc vẫn là thị trường chiếm tỷ trọng xuất khẩu lớn nhất với giá trị xuất khẩu hơn 105 triệu USD, chiếm 51% tỷ trọng xuất khẩu các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. Đứng thứ hai là thị trường Ấn Độ với giá trị xuất khẩu đạt 60,4 triệu USD chiếm gần 30% tổng giá trị xuất khẩu các doanh nghiệp trên địa bàn. Kim ngạch xuất khẩu giai đoạn 2011 – 2016 các thị trường truyền thống có xu hướng giảm như: Lào giảm 0,8%/năm, Thái Lan giảm 11,07%/năm, Đức giảm 15,1%/năm. Một số thị trường mới xuất hiện trong giai đoạn này là Ấn Độ, Thổ Nhĩ Kỳ, Philippin, Mỹ, Nhật Bản, Hồng Kông.

Thị trường xuất khẩu của các doanh nghiệp thông quan (mở tờ khai XNK) trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2006 - 2016 chủ yếu là các nước láng giềng Trung Quốc, Thái Lan, Lào, Campuchia, trong đó: Trung Quốc là thị trường chính trong chiến lược xuất khẩu của các doanh nghiệp đến năm 2015, chiếm hơn 50% kim ngạch xuất khẩu, chỉ có năm 2012 thấp hơn đạt 46% và đỉnh điểm là năm 2010 chiếm 72% kim ngạch xuất khẩu tương ứng 128,5 triệu USD. Tuy nhiên, đây vốn là một thị trường khó lường và nhiều rủi ro. Năm 2016, thị trường Trung quốc chỉ đứng vị trí thứ 2 sau thị trường Lào.

3. Các phương thức xuất khẩu hàng hóa

Xuất khẩu trực tiếp là hình thức xuất khẩu chính được 100% các doanh nghiệp xuất khẩu trên địa bàn tỉnh áp dụng giai đoạn 2006-2016. Theo đó, các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh tự tìm kiếm bạn hàng và xuất khẩu hàng hóa do chính doanh nghiệp sản xuất ra hoặc mua từ các đơn vị sản xuất trong nước.

Phương thức xuất khẩu này được hầu hết các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh áp dụng bởi những ưu điểm của phương thức này, đồng thời doanh nghiệp không phải mất phí qua khâu trung gian. Mặt khác, trong xuất khẩu trực tiếp, doanh nghiệp xuất khẩu là người bán hàng trực tiếp nên doanh nghiệp sẽ nâng cao uy tín của mình trên thị trường, đồng thời hiểu rõ được nhu cầu và khả năng của đối tác để đáp ứng kịp thời. Bằng việc xuất khẩu trực tiếp cho thấy năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp xuất khẩu trên địa bàn tỉnh đã được nâng lên rõ rệt, các doanh nghiệp có đủ năng lực cũng như kinh nghiệm để có thể trực tiếp thực hiện hoạt động xuất khẩu hàng hóa của mình.

II. THỰC TRẠNG NĂNG LỰC CẠNH TRANH XUẤT KHẨU CỦA TỈNH QUẢNG TRỊ

1. Đánh giá năng lực cạnh tranh của một số mặt hàng xuất khẩu chính

Trong giai đoạn 2006 - 2016, sản phẩm xuất khẩu chủ lực hiện nay của tỉnh như gỗ và sản phẩm gỗ, sắn, cao su, cà phê, rau quả, chất dẻo... đều là những mặt hàng nằm trong nhóm những hàng hóa tương đối có lợi thế và có lợi thế so sánh rất cao của nước ta. Đặc biệt mặt hàng gỗ và sản phẩm từ gỗ xuất khẩu của tỉnh hiện nằm trong danh mục mặt hàng có lợi thế so sánh cao nhất của cả nước, đồng thời cũng là mặt hàng có lợi thế so sánh rất cao của tỉnh. Tuy nhiên, năng lực cạnh tranh của mặt hàng gỗ và các sản phẩm từ gỗ xuất khẩu của tỉnh hiện nay nếu được đánh giá theo một số tiêu chí (giá cả, chất lượng, chủng loại, thị phần, chi phí sản xuất, thương hiệu...) thì còn nhiều hạn chế.

Khảo sát các doanh nghiệp trên địa bàn nhằm đánh giá lợi thế cạnh tranh chính của sản phẩm xuất khẩu trên địa bàn tỉnh Quảng Trị cho thấy:

Các sản phẩm xuất khẩu trên địa bàn tỉnh hiện nay mạnh về uy tín và thương hiệu sản phẩm, cụ thể: Có 92,6% doanh nghiệp cho rằng uy tín thương hiệu các sản phẩm của tỉnh ở mức 3 trở lên (hài lòng), trong đó có 37% cho rằng sản phẩm xuất khẩu của tỉnh có uy tín thương hiệu rất tốt.

Tuy nhiên, thực tế cho thấy chất lượng và mức độ đa dạng hoá sản phẩm xuất khẩu chưa được tốt, doanh nghiệp đánh giá từ mức hài lòng cho đến rất tốt khoảng đạt 50%, có 50% doanh nghiệp cho rằng sản phẩm xuất khẩu của tỉnh có chất lượng và độ đa dạng ở mức trung bình và yếu.

Tuy nhiên, vẫn còn nhiều ý kiến cho rằng năng lực cạnh tranh sản phẩm còn yếu ở tính khác biệt sản phẩm và giá cả của các mặt hàng. Có 18,5% doanh nghiệp khảo sát cho rằng, sản phẩm xuất khẩu trên địa bàn tỉnh chưa có sự khác biệt so với các sản phẩm trên thị trường, chỉ có 3,7% cho rằng sự khác biệt sản phẩm của tỉnh đang ở mức rất tốt. Giá cả cũng là một điểm cần cải thiện ở các mặt hàng xuất khẩu của Quảng Trị, khi chỉ có 69,2% doanh nghiệp khảo sát cho rằng giá cả các mặt hàng xuất khẩu đủ tốt để xuất khẩu, có tới 7,7% doanh nghiệp cho rằng giá cả vẫn là một điểm yếu trong năng lực cạnh tranh các sản phẩm xuất khẩu của tỉnh.

2. Đánh giá năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp xuất khẩu trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

Nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp từng bước được khẳng định và nâng cao, đặc biệt đối với những mặt hàng xuất khẩu chủ lực như gỗ và các sản phẩm từ

gỗ, hành tỏi trái cây, sắt thép... Ngoài đầu tư cho công nghệ và cơ sở hạ tầng, các doanh nghiệp xuất khẩu trên địa bàn tỉnh cũng chú trọng đầu tư phát triển nguồn nhân lực nhằm nâng cao trình độ chuyên môn và trình độ ngoại ngữ góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và sản phẩm xuất khẩu.

3. Đánh giá năng lực cung cấp dịch vụ hỗ trợ xuất khẩu trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

Kết cấu hạ tầng liên quan đến sản xuất, xuất khẩu hàng hoá và dịch vụ hỗ trợ xuất khẩu hàng hóa nói chung bao gồm cơ sở vật chất kỹ thuật, công nghệ, kỹ thuật như hệ thống đường xá, bến bãi, cầu, cảng, điện, viễn thông, các phương tiện vận tải... và các dịch vụ hỗ trợ xuất khẩu như dịch vụ logistics, thương mại điện tử, trang Web và vai trò của tham tán thương mại. Các yếu tố này có ảnh hưởng trực tiếp tới giá cả, chi phí xuất khẩu và năng lực cạnh tranh của hàng hóa xuất khẩu.

Ngoài ra, để đánh giá năng lực cung cấp dịch vụ hỗ trợ xuất khẩu cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị có thể dựa vào chỉ số Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI - viết tắt của Provincial Competitiveness Index).

Chỉ số PCI của tỉnh Quảng Trị đã có sự tăng giảm không rõ rệt: Những năm 2010, 2011 kết quả xếp hạng cũng như điểm tổng hợp tốt, điểm xếp hạng lần lượt là 16 và 13 so với 63 tỉnh thành trên cả nước, sau đó lại giảm cả 2 chỉ tiêu này vào những năm 2012, 2013, đỉnh điểm là năm 2013 xếp thứ 58 và điểm số là 53,13, sau đó tăng dần lên cả về mặt điểm số và kết quả xét hạng, đến 2015 xếp thứ 43 với 57,32 điểm, năm 2016 xếp thứ 43 với 57,62 điểm nhưng vẫn thấp hơn so với những năm 2010, 2011.

Mức độ cải thiện về các chỉ số thành phần của Quảng Trị: Gia nhập thị trường là chỉ số thành phần có mức cải thiện tốt nhất (từ 7,25 năm 2010 lên 8,97 năm 2016), tiếp đến là các chỉ số thành phần như: Thiết chế pháp lý; Tính năng động của lãnh đạo địa phương; Đào tạo lao động. Tuy nhiên, một số chỉ số thành phần khác lại có mức giảm, nhất là chi phí không chính thức, tiếp cận đất đai, dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp.

Đánh giá chỉ số PCI của 63 tỉnh/thành phố trong cả nước theo mức rất tốt, tốt, khá, trung bình, tương đối thấp và thấp thì chỉ số PCI của Quảng Trị mới chỉ ở mức khá.

Đánh giá chung về kết cấu hạ tầng (như trung tâm hội chợ triển lãm, kho ngoại quan, trung tâm logistic, đường sá, cảng biển...) cũng như các dịch vụ hỗ trợ xuất khẩu hàng hóa trên địa bàn tỉnh còn chưa phát triển đúng với tiềm năng của địa bàn cũng như năng lực xuất khẩu của tỉnh. Dự án quy hoạch Trung tâm thông tin, xúc tiến thương mại; Trung tâm hội chợ - triển lãm và phát triển hệ thống kho hàng, kho ngoại quan, trung tâm logistics của tỉnh Quảng Trị trong giai đoạn tiếp theo, khi được tiến hành triển khai thực hiện sẽ phát huy tác động tích cực đối với hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa của tỉnh trong việc cung ứng các dịch vụ hỗ trợ xuất khẩu.

4. Thực trạng các chính sách phát triển xuất khẩu hàng hóa trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

Về công tác quản lý nhà nước, lãnh đạo tỉnh và Ban quản lý Khu kinh tế luôn quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động xuất nhập khẩu của doanh nghiệp, đặc biệt là luôn chú trọng giải quyết các thủ tục hành chính kịp thời, nhanh chóng và đúng

quy định của pháp luật. Bên cạnh đó, tổ chức thực hiện các giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp trong quá trình hoạt động sản xuất hàng hoá xuất khẩu, nhất là về cơ chế, chính sách, cụ thể:

Thứ nhất, Tỉnh Quảng Trị đã triển khai áp dụng thí điểm từng giai đoạn cơ chế kiểm tra “một cửa một lần dừng” đối với hàng hóa, người và phương tiện thông quan bắt đầu từ năm 2005 và chính thức từ tháng 2/2015.

Ngày 5/12/2014, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa thời kỳ 2011 - 2020, định hướng đến năm 2030 tại Quyết định số 2661/QĐ-UBND.

Đã đề xuất và xóa bỏ trạm kiểm soát Tân Hợp - Hướng Hóa, các đội kiểm tra dọc tuyến Đường 9, giảm phí sử dụng hạ tầng cửa khẩu.

Từ khi có Thông tư 109/2014/TT-BTC ngày 15/8/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Quyết định 72/2013/QĐ-TTg ngày 26/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định cơ chế, chính sách tài chính đối với khu kinh tế cửa khẩu, tỉnh đã có nhiều văn bản đề xuất với Chính phủ và các Bộ, ngành đề xây dựng khu phi thuế quan có hàng rào cứng trong Khu Kinh tế - Thương mại đặc biệt Lao Bảo và cho các dự án đã và đang đầu tư được hưởng các chính sách ưu đãi chuyển tiếp. Đồng thời, nghiên cứu tham mưu cơ chế chính sách đặc thù phát triển cho khu vực biên giới Việt - Lào. Hàng năm, tỉnh Quảng Trị và Sở Công Thương đã tổ chức cuộc đối thoại, hội nghị hợp tác với các tỉnh Savannakhet, Salavan (Lào), Mukdahan (Thái Lan) nhằm thúc đẩy tạo thuận lợi thương mại qua biên giới.

Đến nay, toàn tỉnh đã hơn 200 đơn đăng ký xác lập quyền tại Cục Sở hữu trí tuệ trong đó có 130 nhãn hiệu hàng hóa và 04 văn bằng kiểu dáng Công nghiệp được cấp văn bằng bảo hộ. Một số nhãn hiệu tập thể và chỉ dẫn địa lý đã được cấp văn bằng bảo hộ như:

- + Chỉ dẫn địa lý cho hạt tiêu Quảng Trị
- + Nhãn hiệu tập thể: Bánh ướt Phương Lang, Nón lá Trà Lộc, Xà lách Xoong Gio An, Cam K4 Hải Phú.

Nhãn hiệu tập thể Cà phê Khe Sanh, Ném Vĩnh Linh, Đậu xanh Vĩnh Giang, Dưa hấu Vĩnh Tú, Lạc Vĩnh Linh đã được Cục SHTT, Bộ KH&CN quyết định chấp nhận đơn hợp lệ, đang trong quá trình cấp văn bằng bảo hộ.

Các sản phẩm đặc sản của các địa phương : “Ném vùng cát Hải Lăng”, “Gạo Hải Lăng”, “Đậu đen xanh lòng Triệu Vân” Nước mắm Mỹ Thủy, Rau an toàn Đông Hà (nhãn hiệu chứng nhận), Nước mắm Cửa Việt, Nước mắm Cồn Cỏ, Khoai môn Vĩnh Linh, Cao dược liệu Định Sơn, Rượu men lá Ba Nang (Đakrong), Chuối Hướng Hóa đang trong quá trình xác lập quyền SHTT. Ngoài ra ở các địa phương cũng đang tích cực hỗ trợ để xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm thế mạnh như: Bún Cẩm Thạch, Mật ong Cam Thủy, Rau an toàn Bắc Bình (huyện Cam Lộ)”

Trong năm 2016, tỉnh Quảng Trị xây dựng đề án thành lập khu phi thuế quan trong Khu Kinh tế - Thương mại đặc biệt Lao Bảo, bên cạnh đó áp dụng nhiều chính sách thuế xuất nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng, giải quyết hàng tồn kho, cụ thể như chính sách thuế 15120/BTC-CST về việc chính sách thuế, phí, lệ phí và các khoản thu

NSNN áp dụng đối với khu kinh tế cửa khẩu; Nghị định 68/2016/NĐ-CP quy định về điều kiện kinh doanh hàng miễn thuế, kho bãi, địa điểm làm thủ tục hải quan, tập kết, kiểm tra, giám sát hải quan; Quyết định 43/2015/QĐ-UBND về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định việc quản lý xe mô tô, xe gắn máy sản xuất tại nội địa đưa vào tiêu thụ trong Khu Kinh tế - Thương mại đặc biệt Lao Bảo ban hành kèm theo Quyết định số 09/2015/QĐ-UBND ngày 20/5/2015 của UBND tỉnh Quảng Trị.

Thứ hai, các tổ chức tài chính, ngân hàng quan tâm hỗ trợ về nguồn vốn đầu tư, hạn mức tiền vay, tạo cơ chế thuận tiện về thủ tục cho vay vốn để thực hiện dự án, tổ chức tốt hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp xuất khẩu trong giai đoạn khó khăn hiện nay.

Thứ ba, cơ quan Hải quan tỉnh, Cục Thuế tỉnh cần hướng dẫn cụ thể cho doanh nghiệp về các chính sách liên quan sau khi Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, chính sách ưu đãi chuyển tiếp đối với dự án đầu tư theo quy định của pháp luật để doanh nghiệp có cơ sở thực hiện.

Thứ tư, theo Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu năm 2016 quy định, kể từ ngày 1/9/2016, doanh nghiệp nhập khẩu nguyên liệu để sản xuất hàng xuất khẩu cũng được miễn thuế nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất hàng hóa xuất khẩu. Như vậy, cả doanh nghiệp nhập khẩu nguyên liệu để sản xuất hàng xuất khẩu và doanh nghiệp nhập khẩu nguyên liệu để gia công, sản xuất theo loại hình doanh nghiệp chế xuất cũng đều được miễn thuế nhập khẩu. Trong khi đó, doanh nghiệp chế xuất vẫn được hưởng ưu đãi về chính sách thuế GTGT khi mua bán với nội địa. Do đó, để đảm bảo sự bình đẳng giữa các loại hình doanh nghiệp (doanh nghiệp chế xuất và doanh nghiệp không hưởng quy chế hoạt động theo loại hình doanh nghiệp chế xuất), cần xem lại chính sách ưu đãi đối với doanh nghiệp để có điều kiện quản lý chặt chẽ đối với loại hình doanh nghiệp này. Chẳng hạn, chính sách ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc điều kiện áp dụng đối với doanh nghiệp là phải xuất khẩu 100%.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ HOẠT ĐỘNG XUẤT KHẨU CỦA TỈNH QUẢNG TRỊ GIAI ĐOẠN 2006 – 2016

1. Những kết quả đạt được

Trong những năm qua, hoạt động xuất khẩu đã có những đóng góp đáng kể vào chuyển đổi cơ cấu kinh tế trên địa bàn tỉnh. Xuất khẩu trở thành một trong những động lực chủ yếu để gia tăng phát triển sản xuất kinh doanh, góp phần ổn định kinh tế, xã hội như giải quyết việc làm, tăng thu nhập, xóa đói, giảm nghèo.

- Về quy mô, năm 2010 kim ngạch xuất khẩu đạt 63,4 triệu USD, đạt tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2006 - 2010 là 38,7%/năm; cùng với những khó khăn trong xuất khẩu của cả nước, kim ngạch xuất khẩu tỉnh Quảng Trị năm 2015 đạt 233,2 triệu USD góp phần đưa tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2011 - 2016 đạt 21,43%/năm.

- Cơ cấu hàng hoá xuất khẩu thay đổi theo chiều hướng tích cực: các mặt hàng thế mạnh như gỗ và các sản phẩm từ gỗ, nông sản chiếm tỷ lệ cao trong tổng kim ngạch xuất khẩu của tỉnh, có vị thế vững chắc trên thị trường nhập khẩu gỗ và sản phẩm từ gỗ; tỷ lệ xuất khẩu khoáng sản có xu hướng giảm dần.

- Thị trường xuất khẩu hàng hoá tiếp tục được mở rộng: Đến năm 2016 các doanh nghiệp Quảng Trị đã xuất khẩu hàng hoá sang tới các thị trường từ Đông Nam Á cho tới thị trường Đông Á, châu Âu ...

- Chủ thể tham gia xuất khẩu không ngừng tăng cả về lượng lẫn về chất: Trong giai đoạn 2006 - 2016 đã có khoảng 200 doanh nghiệp thực có tham gia hoạt động xuất/nhập khẩu.

- Khu Kinh tế - Thương mại đặc biệt Lao Bảo và các Khu công nghiệp Nam Đông Hà, Quán Ngang, các Cụm công nghiệp được tinh tập trung đầu tư đã thu hút một số doanh nghiệp vào sản xuất, kinh doanh để góp phần sản xuất ra các mặt hàng xuất khẩu có số lượng sản phẩm, trị giá lớn như gỗ MDF, sẫm lớp cao su camel, nhựa thông, ilmenhit.... Đặc biệt, Quyết định số 42/2015/QĐ-TTg ngày 16/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Khu kinh tế Đông Nam tỉnh Quảng Trị đang và sẽ mở ra cho tỉnh những cơ hội mới cho xuất khẩu.

- Với lợi thế nổi trội về vị trí địa - kinh tế, là đầu cầu của hành lang kinh tế Đông - Tây về phía Việt Nam, đặc biệt kể từ khi cầu Hữu Nghị II nối Lào - Thái Lan được khánh thành, đánh dấu sự khai thông của tuyến Hành lang kinh tế Đông - Tây, Quảng Trị đã có nhiều nỗ lực góp phần thúc đẩy sự phát triển hành lang kinh tế đông - tây, biến hành lang giao thông thành hành lang kinh tế, hành lang công nghiệp. Ba tỉnh trên tuyến hành lang này là Quảng Trị - Savannakhet - Mukđahan đã ký kết hợp tác phát triển thương mại xuất khẩu. Khu Kinh tế - thương mại đặc biệt Lao Bảo mở ra cung đường ngắn nhất và tiện lợi nhất cho việc đẩy mạnh giao thương hàng hóa với Lào - Thái Lan, My-an-ma và các nước tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng hướng ra Biển Đông, khai thác có hiệu quả tiềm năng, lợi thế hành lang kinh tế Đông - Tây và mở ra triển vọng cho phát triển kinh tế, thương mại, dịch vụ.

2. Hạn chế và nguyên nhân

a) Một số hạn chế

- Quy mô hàng hoá xuất khẩu vẫn còn nhỏ so với các tỉnh thành khác, tăng trưởng không vững chắc, chưa khai thác hết tiềm năng và thế mạnh của tỉnh; kim ngạch xuất khẩu bình quân theo đầu người vẫn đạt thấp so với mức bình quân chung của cả nước. Nhiều mặt hàng xuất khẩu của các doanh nghiệp vẫn còn phụ thuộc vào nguồn hàng ngoại tỉnh và thị trường ngoài nước như rượu, rau quả, gỗ; trong khi một lượng hàng xuất khẩu không nhỏ sản xuất tại Quảng Trị lại không được tham gia tính vào kim ngạch xuất khẩu của tỉnh, do các doanh nghiệp, tư thương ngoại tỉnh vào cạnh tranh với các doanh nghiệp trong tỉnh thu gom, khai thác xuất khẩu (như tiêu, thủy hải sản, gỗ, cà phê ..)

- Cơ cấu hàng hóa xuất khẩu còn chưa hợp lý: ít có hàng công nghiệp chế biến có giá trị lớn; Chủng loại hàng hóa đơn điệu, ít xuất hiện mặt hàng mới với kim ngạch cao.

- Thị trường xuất khẩu hàng hoá Quảng Trị mặc dù trong thời gian qua có bước tiến đáng kể, song vẫn còn hạn hẹp, bạn hàng ít, quan hệ bạn hàng thiếu ổn định, các mặt hàng nông sản phần lớn xuất khẩu đi Trung Quốc, đa số hoạt động xuất khẩu còn qua trung gian, gián tiếp làm giảm lợi nhuận thực thu về của các doanh nghiệp xuất khẩu trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

- Việc liên kết giữa thương mại với sản xuất để đầu tư tạo ra nguồn hàng xuất khẩu lớn và ổn định chưa được chú ý. Các doanh nghiệp tham gia hội nhập thương mại xuất khẩu còn nhiều lúng túng.

- Công tác thông tin kinh tế, nghiên cứu thị trường, xúc tiến thương mại còn chưa có hệ thống, đơn giản, chưa đáp ứng được yêu cầu của hoạt động xuất khẩu hàng hoá trong thời điểm hiện nay.

- Vai trò của doanh nghiệp có vốn cổ phần nhà nước còn hạn chế, chưa thực sự là công cụ hữu hiệu của Nhà nước để can thiệp vào thị trường xuất khẩu khi cần thiết, dẫn đến tình trạng tồn tại sai khác trong định hướng xuất khẩu của nhà nước với định hướng xuất khẩu thực tế của các doanh nghiệp xuất khẩu.

- Một số mặt hàng tinh có lợi thế phát triển nhưng các doanh nghiệp xuất khẩu vẫn chưa có chiến lược phát triển và phương hướng đầu tư theo qui hoạch để tạo những mặt hàng xuất khẩu mới phù hợp với nhu cầu thị trường.

- Hoạt động thương mại mới chỉ tập trung phát triển mạnh ở thị trường đô thị, trên địa bàn nông thôn chưa được quan tâm và đầu tư đúng mức.

- Cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động xuất khẩu tuy được đầu tư trong thời gian gần đây tuy nhiên vẫn còn thiếu, những cơ sở hiện có phần lớn đã bị xuống cấp, lạc hậu, không còn phù hợp với yêu cầu kinh doanh theo cơ chế thị trường hiện nay.

- Hoạt động xuất khẩu chưa thể hiện được là một ngành hỗ trợ tích cực các ngành khác trong phát triển kinh tế. Điều này đã hạn chế việc mở rộng thị trường tiêu thụ, thúc đẩy phát triển sản xuất, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của dân cư.

- Nguồn nhân lực trong ngành tuy đông nhưng không mạnh, chất lượng và tính chuyên nghiệp chưa được nâng tầm.

- Vẫn chưa có những chính sách đòn bẩy, các biện pháp hữu hiệu để khai thác tốt mọi tiềm năng thế mạnh của địa phương, phát triển sản xuất các mặt hàng phục vụ xuất khẩu hàng hoá.

b) Một số nguyên nhân

• Nguyên nhân chủ quan

- Công tác tổ chức, đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực còn nhiều bất cập. Tình còn thiếu đội ngũ doanh nhân có trình độ, năng động biết quản lý và giàu kinh nghiệm kinh doanh xuất nhập khẩu. Đội ngũ cán bộ nắm vững nghiệp vụ xuất nhập khẩu và thành thạo ngoại ngữ; thợ lành nghề, công nhân kỹ thuật trong các doanh nghiệp còn thiếu và yếu.

- Đầu tư xã hội cho các ngành công nghiệp phụ trợ và hạ tầng phục vụ xuất khẩu (như cảng biển, cửa khẩu, sân bay, đường giao thông, hệ thống điện, nước, hệ thống kho bãi, công nghệ thông tin ...) đã được quan tâm nhưng nhìn chung còn thấp, chưa đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển. Một số chương trình, dự án liên quan đến phát triển sản xuất hàng hoá xuất khẩu, mặc dù đã được triển khai thực hiện, nhưng tính khả thi không cao, chậm tiến độ.

- Nhận thức về hội nhập kinh tế quốc tế; về vai trò của công tác xuất khẩu đối với nền kinh tế của một số sở, ngành, huyện thị, doanh nghiệp chưa đầy đủ, dẫn đến công

tác chỉ đạo thực hiện các chương trình phát triển sản xuất các mặt hàng xuất khẩu chưa được các ngành, địa phương quan tâm chỉ đạo quyết liệt.

- Việc triển khai, quán triệt các chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước chưa sâu sắc, thiếu các biện pháp tổ chức thực hiện.

- Công tác quản lý Nhà nước còn chùng chéo, phân công phân cấp có mặt chưa rõ ràng. Việc phối hợp giữa các ngành chưa gắn kết chặt chẽ, thiếu đồng bộ. Tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự bao cấp của Nhà nước vẫn còn nặng ở một số đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

- Công tác cải cách hành chính chưa đồng bộ nên việc xử lý, tháo gỡ các vướng mắc chưa kịp thời; người dân vẫn còn phải chịu nhiều thủ tục phiền hà từ phía các cơ quan Nhà nước trong sản xuất kinh doanh xuất khẩu. Công tác cán bộ còn yếu, thiếu những đột phá trong đổi mới đội ngũ cán bộ.

- Nhận thức về công tác quy hoạch còn thiếu triệt để; công tác dự báo, xây dựng các giải pháp chưa kịp thời, xác thực.

- Doanh nghiệp chưa tận dụng và nắm bắt được các cơ hội khi Việt Nam đã là thành viên của WTO, chưa năng động trong cơ chế thị trường.

• Nguyên nhân khách quan

- Giá cả nhiều loại hàng hoá trên thị trường thế giới biến động bất thường, như dầu thô, xăng dầu, giá vàng, tỷ giá một số ngoại tệ mạnh, lãi suất ngân hàng ... gây khó khăn cho các doanh nghiệp trong sản xuất và kinh doanh.

- Cùng với xu thế hội nhập, ngày càng xuất hiện nhiều rào cản thương mại mới tinh vi như chống phá giá, tiêu chuẩn xã hội, môi trường, an toàn vệ sinh thực phẩm ... gây khó khăn và tổn thất không nhỏ cho hoạt động xuất khẩu của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Thời tiết không thuận lợi, thiên tai, dịch bệnh xảy ra nhiều, gây hậu quả nặng nề đến sản xuất và đời sống của nhân dân.

- Cơ sở hạ tầng kỹ thuật tuy đã được tăng cường đáng kể, nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của sự phát triển kinh tế - xã hội trong thời kỳ mới, nhất là hạ tầng dịch vụ phụ trợ.

- Nguồn vốn ngân sách còn nhiều hạn chế, nguồn vốn tín dụng Nhà nước cho các thành phần kinh tế còn thấp, hạn chế phần nào nguồn vốn đầu tư trung dài hạn cho các thành phần kinh tế để góp phần thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu phát triển kinh tế xã hội chung của địa phương. Nguồn vốn nước ngoài huy động còn thấp. Việc thực hiện xã hội hoá trong đầu tư phát triển hạ tầng thương mại còn chậm, còn có tư tưởng trông chờ vào ngân sách nhà nước.

- Các doanh nghiệp kinh doanh thương mại của Quảng Trị đa phần có quy mô còn nhỏ, vốn ít, cơ sở vật chất nghèo nàn nên gây nhiều khó khăn trong quá trình mở rộng sản xuất và phát triển thị trường. Đồng thời, sự phối kết hợp giữa các ngành trong việc nghiên cứu thị trường, hướng dẫn, chỉ đạo sản xuất, tiêu thụ sản phẩm còn bị hạn chế.

- Hệ thống pháp luật, cơ chế chính sách chưa hoàn chỉnh và đồng bộ hiện nay đã ảnh hưởng lớn đến công tác quản lý Nhà nước và hiệu quả sản xuất kinh doanh của các thành phần kinh tế.

- Các doanh nghiệp, các hộ kinh doanh thương mại mới chỉ đầu tư ngắn hạn, chấp vá để thực hiện từng thương vụ mà không có điều kiện đầu tư lớn và dài hạn. Chưa có nhiều dự án lớn đầu tư để xây dựng các cơ sở thương mại hiện đại đủ tầm cỡ vùng.

IV. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

1. Quan điểm

- Phát triển xuất khẩu hàng hóa dựa trên cơ sở khai thác tốt lợi thế cạnh tranh của tỉnh Quảng Trị; góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, phát triển sản xuất và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của Tỉnh theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; giải quyết nhu cầu việc làm, thu nhập, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người lao động.

- Gắn kết thị trường trong nước với thị trường ngoài nước; vừa chú trọng phát triển thị trường trong nước vừa quan tâm mở rộng thị trường ngoài nước, chú trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh, phát triển nhanh và bền vững.

- Tích cực và chủ động tham gia vào mạng lưới sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu, khuyến khích các thành phần kinh tế đẩy mạnh hoạt động kinh doanh xuất khẩu theo hướng tham gia vào các khâu có giá trị gia tăng cao trong chuỗi giá trị toàn cầu, chú trọng xây dựng và phát triển một số thương hiệu mạnh cho hàng hóa và doanh nghiệp xuất khẩu trên địa bàn tỉnh.

- Phát huy nội lực, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng xuất khẩu, nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của các doanh nghiệp cũng như toàn bộ nền kinh tế địa phương để mở rộng kinh doanh xuất nhập khẩu, hội nhập kinh tế quốc tế. Phát triển xuất khẩu trên cơ sở huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực của Tỉnh, khuyến khích khả năng tích tụ và tập trung nguồn lực của doanh nghiệp để đầu tư phát triển sản xuất và mở rộng xuất khẩu.

- Phát triển xuất khẩu gắn kết với phát triển đa dạng về loại hình doanh nghiệp. Khuyến khích, tạo điều kiện và khai thác tối đa tiềm năng của mọi thành phần kinh tế trong hoạt động xuất khẩu hàng hóa nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp, đảm bảo bình đẳng giữa các thành phần kinh tế khi tham gia hoạt động xuất khẩu hàng hoá.

- Đa dạng hoá các mặt hàng xuất khẩu nhằm mở rộng thị trường tiêu thụ trên cơ sở một mặt khai thác những mặt hàng tiềm năng có lợi thế của tỉnh, đồng thời tiếp tục phát triển những mặt hàng xuất khẩu mới, có giá trị gia tăng cao.

2. Mục tiêu

a) Mục tiêu tổng quát: Đẩy mạnh sản xuất và xuất khẩu các mặt hàng dựa trên tiềm năng và lợi thế cạnh tranh thành những mặt hàng xuất khẩu chủ lực mới, theo hướng nâng cao hiệu quả xuất khẩu; Chuyển dịch cơ cấu hàng xuất khẩu theo hướng đẩy mạnh xuất khẩu những mặt hàng có giá trị gia tăng cao, tăng sản phẩm chế biến, chế tạo thông qua việc đầu tư cho sản xuất mặt hàng xuất khẩu địa phương, hạn chế xuất khẩu sản phẩm thô; Chủ động và tích cực tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu của sản phẩm xuất khẩu, đặc biệt là những hàng hóa xuất khẩu là thế mạnh của tỉnh.

b) Mục tiêu cụ thể:

- Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa trên địa bàn tỉnh đến năm 2020 đạt 250 triệu USD, 490 triệu USD vào năm 2025 và 750 triệu USD vào năm 2030, tương ứng với tốc độ tăng bình quân từ 4,25%/năm giai đoạn 2017-2020, 14,41%/năm giai đoạn 2021- 2025 và 8,89%/năm giai đoạn 2026-2030.

- Tỷ lệ kim ngạch xuất khẩu so với GDP của tỉnh đạt 19,2% đến năm 2020, đạt 27,5% đến năm 2025 và 31,5% vào năm 2030.

- Nhóm hàng nông, lâm, thủy sản sẽ chiếm 79-84% trong tổng kim ngạch xuất khẩu, nhóm hàng công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp chiếm 12-15%, các mặt hàng khác chiếm 5-6%. Trong nhóm hàng nông, lâm, thủy sản, mặt hàng nông sản vẫn giữ vai trò chủ lực.

+ Giai đoạn 2017-2020: Tập trung vào các mặt hàng xuất khẩu có lợi thế sẵn có về tài nguyên và lao động, như: tinh bột sắn, trái cây, cà phê, hồ tiêu, sản phẩm gỗ, cao su, thủy sản, sắn lát, khoáng sản, phân NPK, may mặc...

+ Giai đoạn 2021-2030: Tiếp tục phát triển xuất khẩu các mặt hàng có lợi thế, cần phải mở rộng và phát triển mạnh các mặt hàng sử dụng lao động trình độ cao và công nghệ tiên tiến như: điện, đồ điện gia dụng, lắp ráp điện tử, chế tạo máy móc, cơ khí, chế biến thực phẩm, chế biến sâu khoáng sản v.v..

3. Định hướng phát triển mặt hàng xuất khẩu chủ lực

a) Nhóm hàng chế biến nông sản:

+ **Cà phê:** Phấn đấu đến năm 2020 kim ngạch xuất khẩu đạt 5 triệu USD, năm 2025 và 2030 đạt giá trị xuất khẩu lần lượt là 11 và 13 triệu USD. Đối với mặt hàng này, ngoài việc nâng cao năng suất lên 2-2,5 tấn/ha, nâng cao chất lượng sản phẩm thì việc đa dạng hóa thị trường, đa dạng hóa sản phẩm là yếu tố cơ bản để có thể tăng kim ngạch xuất khẩu trong thời gian tới. Cần tạo thuận lợi để phát triển 14 cơ sở thu mua và chế biến cà phê, khuyến khích đầu tư phát triển mới các nhà máy cà phê hòa tan, cà phê bột và các sản phẩm cao cấp khác theo qui hoạch.

Thị trường tiêu thụ cà phê hiện nay của tỉnh Quảng Trị chủ yếu là thị trường Đức, cần tăng cường đa dạng hóa thị trường tiêu thụ như: Nga, Đông Âu, EU, Nhật và Châu Mỹ La Tinh.

+ **Sắn và các sản phẩm từ sắn:** Mục tiêu đến năm 2020 kim ngạch xuất khẩu đạt 24 triệu USD, năm 2025 và 2030 đạt giá trị xuất khẩu lần lượt 30 triệu USD và 40 triệu USD. Để đẩy mạnh xuất khẩu mặt hàng này, cần tập trung tiến bộ khoa học kỹ thuật để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, áp dụng các mô hình quản lý chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm trong chế biến, đa dạng thị trường xuất khẩu. Hiện vùng nguyên liệu trên địa bàn cơ bản đã đáp ứng được theo qui hoạch, đảm bảo được công suất các nhà máy chế biến.

Thị trường xuất khẩu chính sản phẩm sắn (các sản phẩm từ sắn) là Trung Quốc. Trong giai đoạn tới cần tăng cường tìm kiếm các thị trường xuất khẩu như Phillipine, EU, Nhật...

+ **Cao su (các sản phẩm từ cao su):** Phần đầu đến năm 2020 kim ngạch xuất khẩu đạt 7 triệu USD, năm 2025 và 2030 đạt giá trị xuất khẩu vào khoảng từ 16 triệu USD và 19 triệu USD. Để tăng giá trị xuất khẩu mặt hàng này, ngoài việc tiếp tục đầu tư, áp dụng khoa học công nghệ để tìm kiếm bộ giống, quy trình phù hợp để giúp đảm bảo sản lượng đầu ra thì cần nâng cao chất lượng sản phẩm, đa dạng hóa thị trường, thu hút đầu tư các nhà máy chế biến sâu các sản phẩm như lốp xe, dây curoa, tấm đệm...

Tiếp tục duy trì và mở rộng thị trường xuất khẩu cao su tại Trung Quốc và tìm kiếm các thị trường tiềm năng như Nhật Bản, Đài Loan, Hàn Quốc, EU...

+ **Rau quả:** Mục tiêu đến năm 2020, kim ngạch xuất khẩu mặt hàng rau quả đạt 43 triệu USD, đến năm 2025 và 2030 giá trị xuất khẩu lần lượt đạt 80 triệu USD và 130 triệu USD. Tăng giá trị xuất khẩu mặt hàng này trong những năm tới, ngoài việc hoàn chỉnh qui trình kỹ thuật sản xuất, công nghệ chế biến thì việc tăng cường kết nối thị trường, xây dựng nhãn hiệu để thúc đẩy sản xuất và xuất khẩu là hướng đi cần thiết trong thời gian tới. Cụ thể với một số mặt hàng chính:

Mặt hàng chuối: Mục tiêu xuất khẩu đến năm 2020 đạt 14 triệu USD, đến năm 2025 và 2030 đạt giá trị xuất khẩu lần lượt là 19 và 21 triệu USD.

Mặt hàng dưa: Mục tiêu xuất khẩu đến 2020 đạt 10 triệu USD, đến năm 2025 và 2030 đạt giá trị xuất khẩu lần lượt là 40 và 80 triệu USD.

Mặt hàng Macca: Mục tiêu xuất khẩu đến năm 2020 đạt 3 triệu USD, đến năm 2025 và 2030 đạt giá trị xuất khẩu lần lượt là 4 và 9 triệu USD.

Duy trì và mở rộng thị trường xuất khẩu sản phẩm rau quả tại thị trường Trung Quốc, tìm kiếm các thị trường tiềm năng như Thái Lan, Singapore, Nhật, Đài Loan, Mỹ, EU, Ấn Độ...

Mặt hàng tiêu: Phần đầu đến năm 2020, kim ngạch xuất khẩu hồ tiêu đạt khoảng 5 triệu USD, đến năm 2025 và 2030 giá trị xuất khẩu đạt lần lượt là 8 triệu USD và 10 triệu USD. Đối với mặt hàng này ngoài việc nâng cao sản lượng hồ tiêu so với thực tế hiện nay thì việc đa dạng sản phẩm hồ tiêu xuất khẩu (tiêu trắng, gia vị từ hồ tiêu, tinh dầu...), đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm là điều cần quan tâm trong thời gian tới. Thị trường hồ tiêu xuất khẩu cần chú trọng tới thị trường Trung Quốc, Singapore, Hàn Quốc, Nhật Bản. EU và các nước Trung Đông.

- Nhóm hàng chế biến từ thủy sản

Trên địa bàn tỉnh hiện có 06 nhà máy chế biến thủy sản xuất khẩu, nhưng hoạt động chưa ổn định. Các sản phẩm thủy sản chế biến gồm: tôm (thẻ chân trắng/tôm sú), bột cá, chả cá, dầu cá, cá đông lạnh các loại....

Mục tiêu đến năm 2020, kim ngạch xuất khẩu sản phẩm thủy sản khoảng 13 triệu USD, đến năm 2025 và 2030 giá trị xuất khẩu đạt lần lượt là 40 và 95 triệu USD. Để nâng cao giá trị xuất khẩu thủy sản trong thời gian tới cần tập trung nuôi tôm, cá theo đúng qui hoạch và khuyến khích doanh nghiệp đầu tư nhà máy chế biến thủy sản trên địa bàn. Năm 2015, xuất khẩu thủy sản của tỉnh chủ yếu sang thị trường Lào, một số ít được xuất khẩu sang Anh và Pháp. Giai đoạn tiếp theo cần củng cố và phát triển thị trường này, tìm kiếm và mở rộng tại các thị trường tiềm năng như: Trung Quốc, Singapore, Trung Đông và thị trường EU...

- Nhóm sản phẩm gỗ:

Tỉnh Quảng Trị có tổng diện tích tự nhiên hơn 473 ngàn ha, trong đó diện tích đất lâm nghiệp, kể cả diện tích có rừng chiếm gần 300 ngàn ha, riêng diện tích rừng trồng 74.000 ha, sản lượng gỗ khai thác 450.000 m³/năm, chưa kể các loại gỗ trồng phân tán trong dân cư với sản lượng khoảng 450.000 m³/năm. Vì vậy, lâm nghiệp nói chung hay là gỗ và các sản phẩm từ gỗ chiếm một vị trí rất quan trọng về tài nguyên thiên nhiên cũng như tổng kim ngạch xuất khẩu của tỉnh.

Tuy nhiên, trước đây ngành lâm nghiệp chỉ có khối lượng sản phẩm gỗ thô hoặc sản phẩm chưa có giá trị lớn từ khai thác rừng tự nhiên, rừng trồng giá trị thấp, hiệu quả sử dụng đất đai, tài nguyên chưa cao.

Trên cơ sở chú trọng phát triển nguồn nguyên liệu gỗ thông qua việc đầu tư trồng rừng làm nguyên liệu để từng bước thay thế nguồn nguyên liệu nhập khẩu và nguyên liệu từ rừng tự nhiên, tạo thế chủ động trong chế biến các sản phẩm gỗ xuất khẩu; tăng cường sản xuất và xuất khẩu các sản phẩm từ gỗ được ưa chuộng trên thị trường thế giới như bàn ghế, giường tủ.

Định hướng phát triển xuất khẩu sản phẩm gỗ của tỉnh trong thời gian tới là tăng chất lượng và khối lượng, kim ngạch và giá trị gia tăng của sản phẩm từ gỗ, tăng hiệu quả xuất khẩu các sản phẩm từ gỗ. Phấn đấu đến năm 2020 kim ngạch xuất khẩu sản phẩm gỗ đạt khoảng 117 triệu USD, đến năm 2025 và 2030 giá trị xuất khẩu đạt lần lượt là 170 và 270 triệu USD.

Để nâng cao giá trị xuất khẩu gỗ trong thời gian tới, phải quyết liệt hơn nữa việc ứng dụng khoa học- công nghệ (KH-CN) vào sản xuất, tạo ra giống cây trồng có chất lượng cao phục vụ trồng rừng gỗ lớn, năng suất hơn 200 m³ gỗ/ha, như các nước Indonesia, Malaysia, Thái Lan. Ngoài ra nâng cao chất lượng và đa dạng sản phẩm xuất khẩu đối với các sản phẩm: đồ gỗ gia dụng, bàn ghế, ván sàn, ván MDF, ván Vernia, gỗ băm băm, viên nén năng lượng... là hướng đi cần thiết trong thời gian tới.

Tiếp tục củng cố và phát triển tại thị trường nhập khẩu truyền thống các sản phẩm gỗ của tỉnh như Trung Quốc, Ấn Độ, Hồng Kông, Đức, Lào, Hàn Quốc... tìm kiếm và phát triển mới tại các thị trường có mức tiêu dùng cao như Mỹ, Nga, Trung Đông.

- Nhóm hàng dệt may:

Dự kiến đến năm 2020, kim ngạch xuất khẩu mặt hàng dệt may đạt khoảng 9 triệu USD, năm 2025 và 2030 đạt khoảng giá trị xuất khẩu lần lượt từ 50 và 90 triệu USD. Công suất thiết kế của các nhà máy dệt may trên địa bàn tỉnh đến năm 2020 đạt khoảng 21 triệu sản phẩm/năm. Để nâng cao năng suất sản xuất cũng như nâng cao giá trị xuất khẩu thì bên cạnh việc tập trung sản xuất, nâng cao chất lượng, mẫu mã sản phẩm thì việc mở rộng thị trường xuất khẩu, tham gia sâu vào chuỗi cung ứng toàn cầu là yếu tố cơ bản để tăng kim ngạch trong thời gian tới.

- Nhóm hàng công nghiệp và khoáng sản

+ Khoáng sản:

Hiện trên địa bàn tỉnh có khoảng 220 mỏ, khu mỏ khoáng sản và điểm quặng thuộc các loại khoáng sản kim loại, khoáng chất công nghiệp, vật liệu xây dựng và nước khoáng- nước nóng; đã khoan định 74 khu vực mỏ cát, sỏi, đá, đất sét, than bùn, vàng,

titan, quặng sắt vào quy hoạch thăm dò, khai thác giai đoạn 2016-2020, và 35 khu vực mỏ cát, sỏi, đá, đất sét, than bùn vào quy hoạch thăm dò, khai thác giai đoạn 2021-2030. Cụ thể như: Titan với trữ lượng Ilmenit được đánh giá là 1.210.000 tấn, zircon 302.000 tấn, trong đó trữ lượng mỏ C1, C2 là 357.000 tấn Ilmenite - rutil. Khoáng sản titan phân bố dọc bờ biển Vĩnh Thái, Vĩnh Kim (Vĩnh Linh), Trung Giang, Gio Hải (Gio Linh) và Hải An, Hải Khê (Hải Lăng)... Trên thực tế, hầu hết các diện tích chứa sa khoáng titan đều nằm trong vùng dân cư và rừng phòng hộ nên khả năng thăm dò và khai thác rất hạn chế. Ngoài ra cát thạch anh cũng được đánh giá là có trữ lượng lớn với hơn 200 triệu tấn được phân bố tại các mỏ Bắc cửa Việt, Triệu Vân, Hải Ba- Quế Hải và Ngã 5.

- Mục tiêu phấn đấu đến năm 2020, kim ngạch xuất khẩu khoáng sản đạt 13 triệu USD, 20 và 25 triệu USD vào năm 2025 và 2030. Tiếp tục củng cố và duy trì tại thị trường Trung Quốc đến năm 2020, sau giai đoạn này cần tìm kiếm mở rộng các thị trường nhập khẩu các sản phẩm khoáng sản sau tình thế như thị trường Asean, Nhật Bản, Trung Quốc, Úc...

+ Phương tiện vận tải, phụ tùng và phân bón:

Trên địa bàn tỉnh có nhà máy sản xuất tấm lớp cao su công suất 13,5 triệu chiếc tấm lớp/năm, phân bón NPK công suất 50.000 tấn/năm và các dây chuyền sản xuất phân hữu cơ. Sản lượng xuất khẩu còn thấp so với công suất sản xuất thực tế.

- Mục tiêu phấn đấu đến năm 2020, kim ngạch xuất khẩu phương tiện vận tải phụ tùng đạt 10 triệu USD, phân bón các loại đạt 3 triệu USD; đến năm 2025, kim ngạch xuất khẩu phương tiện vận tải phụ tùng đạt 25 triệu USD, phân bón các loại đạt 7 triệu USD và đến năm 2030, kim ngạch xuất khẩu phương tiện vận tải phụ tùng đạt 25 triệu USD, phân bón các loại đạt 10 triệu USD.

4. Định hướng thị trường

Đa dạng hóa thị trường xuất khẩu; củng cố và mở rộng thị phần hàng hóa xuất khẩu của tỉnh tại những thị trường truyền thống; tạo bước đột phá mở rộng các thị trường xuất khẩu mới có tiềm năng.

Mở rộng tối đa thị phần tại các thị trường có sức mua lớn; tích cực và chủ động tìm kiếm các thị trường mới ở Bắc Mỹ và Caribe, Nam Mỹ.

Định hướng về cơ cấu thị trường xuất khẩu hàng hóa của tỉnh đến năm 2030: châu Âu chiếm tỷ trọng khoảng 31,3%, châu Á khoảng 49,6%, châu Mỹ khoảng 11,4%, các thị trường khác khoảng 7,7%.

V. GIẢI PHÁP CÁC GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN XUẤT KHẨU CỦA QUẢNG TRỊ GIAI ĐOẠN ĐẾN NĂM 2020, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

1. Giải pháp huy động nguồn lực phát triển xuất khẩu của Tỉnh Quảng Trị

a) Các giải pháp về huy động vốn đầu tư

- Tiếp tục tranh thủ sự giúp đỡ của các Bộ Ngành mời gọi các Nhà đầu tư có tên tuổi trong và ngoài nước vào tỉnh Quảng Trị đầu tư các dự án: (i) Khai thác gỗ và sản xuất các sản phẩm từ gỗ; (ii) sản xuất nông sản; (iii) khai thác và chế biến khoáng sản.

- Đa dạng hoá các hoạt động xúc tiến đầu tư bằng nhiều hình thức và các kênh khác nhau. Ưu tiên xúc tiến đầu tư cho các dự án trọng điểm hướng về xuất khẩu; đẩy mạnh tuyên truyền quảng bá về tỉnh Quảng Trị với các đối tác trong và ngoài nước.

- Tiếp tục cải cách hành chính nhằm tạo thông thoáng cho các Nhà đầu tư trong khâu hoàn tất các thủ tục đầu tư ban đầu.

- Tiếp tục đầu tư mở rộng các dự án sản xuất hàng xuất khẩu trong tỉnh, nhất là các dự án thuộc các nhóm mặt hàng xuất khẩu chủ lực, như ván ép, tinh bột sắn; thủy sản chế biến; cà phê; cao su, tiêu, dệt may....

- Tiếp tục đầu tư các dự án phát triển vùng nguyên liệu phục vụ cho các nhà máy sản xuất, chế biến hàng xuất khẩu như sắn, lạc, dừa, chè, thủy hải sản, sản phẩm gỗ

- Chú trọng ưu tiên đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ và hiện đại để tạo tiền đề vật chất cho quá trình phát triển nhanh và có hiệu quả, bao gồm hệ thống cảng biển với thương cảng lớn, sân bay quốc tế, hệ thống đường cao tốc, đường sắt, hệ thống thông tin liên lạc, hệ thống cung cấp và truyền tải điện, hệ thống cấp và thoát nước nước.

b) Các giải pháp phát triển nguồn nhân lực

- Nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực trong các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng nghề, trung cấp nghề và trung tâm dạy nghề. Đặc biệt, cần đào tạo đội ngũ lao động về ngoại ngữ để đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động tại các doanh nghiệp 100% FDI.

- Khuyến khích các doanh nghiệp trong tỉnh tham gia đào tạo nghề, gắn đào tạo nghề với giải quyết việc làm, phát triển mạng lưới trung tâm giới thiệu việc làm và thực hiện tốt công tác dự báo nhu cầu sử dụng lao động qua đào tạo, dự báo nhu cầu ngành nghề đào tạo và tư vấn, giới thiệu việc làm để giúp cho người lao động nâng cao nhận thức, chủ động tìm hiểu và lựa chọn đúng ngành, đúng nghề, phù hợp về trình độ chuyên môn nghiệp vụ đào tạo, đưa lại hiệu quả cao trong hoạt động sản xuất kinh doanh và xuất khẩu, tránh tình trạng đào tạo xong không có việc làm.

- Chú trọng và thường xuyên tuyên truyền về tư vấn, giáo dục định hướng nghề nghiệp trong các cơ sở dạy nghề, đẩy nhanh đào tạo nguồn nhân lực theo nhiều trình độ, tập trung đào tạo nguồn nhân lực kỹ thuật trực tiếp sản xuất, kinh doanh, dịch vụ vào các lĩnh vực: kỹ thuật nông lâm, ngư nghiệp, cơ khí, chế tạo, công nghiệp chế biến nông sản, may mặc, du lịch, dịch vụ... nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động qua đào tạo của các khu, cụm công nghiệp của tỉnh.

- Lập kế hoạch đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ quản trị doanh nghiệp đủ sức tiếp cận những tiến bộ mới về khoa học quản lý, về công nghệ mới, có khả năng dự báo và tiếp cận thị trường nước ngoài để định hướng chiến lược phát triển của doanh nghiệp, chủ động hội nhập vào thị trường thế giới.

- Thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn, phổ biến nghiệp vụ xuất nhập khẩu, những thay đổi trong chính sách liên quan đến xuất nhập khẩu, thông tin thị trường, những cam kết đa phương, song phương của Việt Nam với các nước, các quy định rào cản thương mại của các nước cho cán bộ quản lý, cán bộ doanh nghiệp hoạt động trong

lĩnh vực xuất nhập khẩu để điều chỉnh hoạt động xuất nhập khẩu cho phù hợp, tránh rủi ro nâng cao hiệu quả trong hoạt động xuất nhập khẩu.

- Chú trọng công tác đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý và cán bộ khoa học kỹ thuật có khả năng nghiên cứu, nắm bắt công nghệ mới để áp dụng vào sản xuất. Bố trí sử dụng hợp lý lực lượng cán bộ hiện có nhằm sử dụng phát huy năng lực và kiến thức của họ, sử dụng có hiệu quả năng lực của đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ. Mặt khác cần đào tạo lại đội ngũ cán bộ quản lý ở các lĩnh vực như: kinh tế đối ngoại, quản trị kinh doanh... có chính sách ưu đãi thu hút nhân tài ở các nơi về phục vụ cho tỉnh.

- Mở rộng các hình thức hợp tác quốc tế về đào tạo công nhân kỹ thuật trong khối ASEAN và các nước khác. Tranh thủ các nguồn tài trợ của nước ngoài về vốn, chuyên gia kỹ thuật để đào tạo thợ bậc cao.

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ quản lý các cấp. Hỗ trợ mở các lớp bồi dưỡng đội ngũ quản lý doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế để nắm bắt và cập nhật các thông tin liên quan đến hoạt động xuất khẩu trong và ngoài nước.

c) Các giải pháp chuyên giao và phát triển công nghệ

- Chuyển giao công nghệ: Các doanh nghiệp cần chú ý tới tính hệ thống của việc chuyển giao công nghệ, tính sinh thể. Ví dụ: Đối với tính hệ thống, hầu hết các doanh nghiệp xuất khẩu đều cho rằng có trang thiết bị hiện đại là đã có công nghệ hiện đại, thực tế trang thiết bị hiện đại mà năng lực con người không đáp ứng được thì không thể sử dụng hết tính năng của nó, dẫn tới tình trạng lãng phí đầu tư, lãng phí tài sản. Hoặc đối với tính sinh thể, một số doanh nghiệp trên địa bàn chưa đáp ứng được công nghệ nhập về đang ở giai đoạn nào trong chu kỳ sống của nó nên thường hay nhập khẩu công nghệ lạc hậu, không phù hợp với tình hình thực tế của doanh nghiệp. Do đó các doanh nghiệp cần chú ý tính hệ thống, phát triển đồng đều các yếu tố, bên cạnh đó là chú ý đến các yếu tố thuộc tính của công nghệ.

- Nghiên cứu và phát triển công nghệ: Các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh cần xác định được trình độ và năng lực của doanh nghiệp, từ đó xây dựng định hướng phát triển công nghệ phù hợp với khả năng (hài hoà 4 yếu tố: trang thiết bị, kỹ năng con người, thông tin và tổ chức). Bên cạnh đó ứng dụng công nghệ trong sản xuất hàng hoá cần đáp ứng được các yêu cầu của thị trường, đạt được các mục tiêu cho các sản phẩm đầu ra.

2. Giải pháp, chính sách hỗ trợ phát triển xuất khẩu của tỉnh Quảng Trị

a) Hỗ trợ phát triển thị trường

- Thông tin đầy đủ các văn bản, nghị định, cơ chế và chính sách liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu tới các doanh nghiệp, đặc biệt là tạo môi trường pháp lý thông thoáng để các doanh nghiệp phát huy mọi khả năng sáng tạo trong việc phát triển thị trường xuất khẩu.

- Hỗ trợ các doanh nghiệp trong việc đào tạo nguồn nhân lực, cung cấp thông tin thị trường trong và ngoài nước. Thành lập tổ chức thực hiện công tác dự báo các chiều hướng cung - cầu hàng hóa và dịch vụ, cơ chế chính sách xuất nhập khẩu của các nước đến mọi doanh nghiệp, giúp các doanh nghiệp điều chỉnh hoạt động sản xuất, kinh

doanh sản phẩm phù hợp với từng thị trường. Hoặc tạo cơ chế khuyến khích doanh nghiệp thực hiện công tác này nhằm cung ứng thông tin ra thị trường.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp từ nơi khác đến nghiên cứu và tìm kiếm cơ hội làm ăn với địa phương, đặc biệt là các doanh nghiệp nước ngoài. Khuyến khích và đơn giản hoá mọi thủ tục khi các doanh nghiệp nước ngoài muốn đặt văn phòng đại diện hoặc mở chi nhánh tại địa phương. Đồng thời có cơ chế quản lý và kiểm soát hoạt động của các đối tác này nhằm thực hiện thương mại công bằng và tránh tổn hại đến môi trường kinh doanh trên địa bàn.

- Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại, nghiên cứu thành lập Quỹ hỗ trợ xúc tiến thương mại để giúp các doanh nghiệp tham gia hội chợ, triển lãm, khảo sát tìm kiếm thị trường...

b) Hỗ trợ phát triển sản phẩm

Với một nền kinh tế hội nhập sâu rộng như hiện nay, việc đẩy mạnh xuất khẩu bền vững các mặt hàng thế mạnh là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu hiện nay đối với tỉnh Quảng Trị. Việc này đòi hỏi chúng ta phải có giải pháp căn cơ về phát triển sản xuất, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chú trọng nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị sản phẩm xuất khẩu. Bên cạnh đó, các giải pháp phát triển thị trường, xúc tiến thương mại vào các thị trường trọng điểm, nhiều tiềm năng đóng vai trò chiến lược, đảm bảo đầu ra ổn định cho hàng hóa xuất khẩu. Điều quan trọng là doanh nghiệp cần phát huy nội lực của mình để tạo chỗ đứng vững chắc trên thị trường; mặt khác doanh nghiệp cần chủ động tiếp cận, cập nhật thông tin, đồng thời xây dựng hệ thống tiêu chuẩn chất lượng đáp ứng các yêu cầu về chất lượng sản phẩm hàng hóa. Có như vậy mới khẳng định được thương hiệu của hàng hóa trên thương trường quốc tế.

c) Hỗ trợ phát triển thương nhân

Chính phủ và các Bộ, ngành, các cơ quan chức năng cần tạo điều kiện thuận lợi để thu hút doanh nghiệp, thương nhân trong và ngoài nước tham gia hoạt động thương mại, dịch vụ tại các địa phương biên giới. Đặc biệt cần có cơ chế đặc thù cho các tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng cơ sở hạ tầng tại các cửa khẩu.

Tích cực hỗ trợ, cung cấp thông tin cho doanh nghiệp về cơ chế, chính sách liên quan đến hoạt động xuất, nhập khẩu đối với doanh nghiệp thương nhân kinh doanh các mặt hàng nông, lâm, thủy sản tới các doanh nghiệp và đề ra các giải pháp thúc đẩy kim ngạch thương mại.

3. Giải pháp nâng cao năng lực cung cấp dịch vụ hỗ trợ phát triển xuất khẩu của tỉnh Quảng Trị

a) Thể chế môi trường kinh doanh

- Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính tạo thuận lợi tối đa cho các doanh nghiệp tham gia sản xuất, kinh doanh.

- Tạo môi trường khuyến khích, hỗ trợ hình thành và phát triển các liên kết doanh nghiệp. Có các chính sách khuyến khích việc tăng cường liên kết, hợp tác theo chiều dọc và chiều ngang giữa các doanh nghiệp, cũng như xác lập quan hệ bạn hàng và quan hệ đối tác chiến lược nhằm phát triển xuất khẩu về lâu dài bởi hầu hết doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh có quy mô nhỏ, vốn ít nên cần tăng cường liên kết và hợp tác với nhau.

- Có các chính sách hỗ trợ đối với doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp bởi vì các doanh nghiệp hiện nay rất đắn đo khi tham gia đầu tư vào nông nghiệp, nhất là công đoạn sản xuất mà họ chủ yếu tham gia vào khâu thu gom, sơ chế, tiêu thụ và cung ứng đầu vào. Vì vậy, cần có chính sách ưu đãi hơn về hạn điền và thời gian thuê đất, hỗ trợ tích tụ đất đai, thuế, vốn vay, bảo hiểm rủi ro, đào tạo nguồn lực... để họ quan tâm hơn đến đầu tư vào nông nghiệp. Cần tạo điều kiện để nông dân góp quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp để họ yên tâm giao đất. Khi doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất, họ sẽ là pháp nhân quan trọng trong việc định hướng thị trường, lựa chọn công nghệ và tìm nguồn vốn đầu tư.

b) Hạ tầng, kho bãi

Xây dựng và triển khai các quy hoạch về hệ thống kết cấu hạ tầng xuất, nhập khẩu, hệ thống kết cấu hạ tầng thương mại bán buôn, trung tâm hội chợ triển lãm thương mại của tỉnh giai đoạn đến năm 2020 để hỗ trợ cho các hoạt động xuất nhập khẩu.

Xây dựng chiến lược phát triển các loại hình dịch vụ logistics, thu hút đầu tư vào kinh doanh dịch vụ logistics, giảm chi phí logistics, thúc đẩy và gắn kết công nghệ thông tin trong logistics, cơ sở hạ tầng kỹ thuật để góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động xuất nhập khẩu. Đây là một trong những ưu tiên hàng đầu cho phát triển xuất khẩu của tỉnh Quảng Trị.

c) Phát triển các loại hình dịch vụ logistics

- Tập trung, ưu tiên đào tạo nguồn nhân lực để phục vụ cho ngành dịch vụ logistics. Đồng thời, cần chú trọng đào tạo ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh và khả năng ứng dụng công nghệ thông tin. Tìm kiếm các nguồn tài trợ trong, ngoài nước cho các chương trình đào tạo ngắn hạn.

- Ưu tiên phát triển mạng lưới giao thông vận tải, đảm bảo đáp ứng nhu cầu lưu thông của các loại xe, đảm bảo lưu chuyển hàng hóa thuận lợi.

- Có sự liên kết giữa các doanh nghiệp xuất nhập khẩu với các doanh nghiệp logistics, doanh nghiệp vận tải biển, doanh nghiệp bảo hiểm và ngân hàng để đảm bảo chuỗi cung ứng hiệu quả, nâng cao tính cạnh tranh hàng hóa, dịch vụ.

- Trên cơ sở điều kiện hiện có và phát triển các dịch vụ logistics khuyến khích doanh nghiệp thay đổi phương thức xuất khẩu (tiến tới không chỉ xuất khẩu theo điều kiện FOB, mà xuất theo điều kiện CIF). Tùy từng hoàn cảnh, từng mặt hàng cụ thể để linh hoạt lựa chọn quy tắc thương mại thích hợp nhằm mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn cho doanh nghiệp.

- Tăng cường vai trò hiệp hội VIFFAS nhằm phát huy vai trò cầu nối với Chính phủ và các tổ chức quốc tế.

d) Xúc tiến thương mại

- Tăng cường hoạt động xúc tiến thương mại và phát triển xuất khẩu hàng hóa của tỉnh thông qua chương trình xúc tiến thương mại quốc gia.

- Xây dựng và phát triển thương hiệu mang tầm quốc tế một số sản phẩm chủ lực của tỉnh như: tinh bột sắn, cao su, hồ tiêu, ván gỗ MDF, hoa quả chế biến, thủy hải sản

đu sức cạnh tranh với sản phẩm cùng loại của các nước. Hỗ trợ thâm nhập thị trường nước ngoài đối với thương hiệu các hàng hóa đặc trưng thuộc chương trình thương hiệu quốc gia.

- Khuyến khích các doanh nghiệp xuất khẩu trên địa bàn tỉnh phối hợp với tham tán thương mại tại các nước để có được sự hỗ trợ tích cực hơn cho các doanh nghiệp cũng như có sự hợp tác với các doanh nghiệp Việt Nam ở nước ngoài để trực tiếp đưa hàng hóa xuất khẩu của tỉnh vào các siêu thị, chuỗi phân phối lớn tại nước nhập khẩu.

- Bổ sung kinh phí đối với hoạt động xúc tiến thương mại nhằm nâng cao hiệu quả của Trung tâm xúc tiến thương mại của tỉnh.

- Cải thiện khả năng tiếp cận thông tin đối với các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh bởi thông tin đầy đủ và cập nhật là cần thiết để tồn tại ở các thị trường cạnh tranh. Các nhà sản xuất, chế biến và xuất khẩu cần thông tin về thị trường quốc tế, bao gồm hình thức và xu hướng sản xuất, tiêu thụ, đặc điểm thị trường, vấn đề thâm nhập thị trường, kênh phân phối, lưu kho, bao gói, nhãn mác, giá cả và triển vọng thị trường. Vì vậy, sẽ rất hữu ích khi tập trung các loại thông tin này và cung cấp kịp thời cho doanh nghiệp xuất khẩu có nhu cầu.

e) Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về xuất khẩu

- Chuyên trang website xuất khẩu Quảng Trị: Với dữ liệu và thông tin phong phú, đầy đủ về doanh nghiệp, sản phẩm xuất khẩu, về tiềm năng, lợi thế và các dự án kêu gọi đầu tư sản xuất hàng xuất khẩu của Quảng Trị để giới thiệu cho đối tác trong và ngoài nước.

- In ấn, phát hành catalogue giới thiệu có chọn lọc về sản phẩm xuất khẩu, doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu, tiềm năng, lợi thế và các dự án kêu gọi đầu tư sản xuất hàng xuất khẩu của Quảng Trị phục vụ hội chợ triển lãm, hội nghị, hội thảo quốc tế và làm tài liệu quảng bá tại Đại sứ quán Việt Nam ở các nước.

4. Giải pháp khác

a) Quy hoạch vùng nguyên liệu, phát triển sản xuất, chế biến hàng xuất khẩu

- Rà soát, điều chỉnh, bổ sung và tiếp tục triển khai thực hiện các quy hoạch đã được phê duyệt liên quan đến sản xuất và chế biến hàng hóa xuất khẩu, nhất là quy hoạch phát triển cây trồng, vật nuôi; quy hoạch phát triển ngành công nghiệp chế biến hàng nông lâm hải sản (tinh bột sắn, cao su, cà phê, hoa quả các loại, ...)

- Tiếp tục đầu tư mở rộng các dự án phát triển vùng nguyên liệu và các dự án sản xuất hàng xuất khẩu, nhất là các dự án thuộc các nhóm mặt hàng xuất khẩu chủ lực như tinh bột sắn, hoa quả chế biến, cao su, cà phê, thủy hải sản, dệt may, sản phẩm gỗ...

b. Giải pháp liên kết phát triển nguồn hàng xuất khẩu

Nghiên cứu ban hành chính sách và triển khai các biện pháp nhằm tổ chức lại sản xuất nông lâm ngư nghiệp theo hướng liên kết giữa các hộ sản xuất thành các tổ chức sản xuất đủ lớn, để có điều kiện áp dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ mới, giống mới vào sản xuất. Giảm các khâu trung gian trong việc cung ứng vật tư, thiết bị cho sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Liên kết giữa sản xuất chế biến và xuất khẩu, bảo đảm hài hòa lợi ích giữa các khâu sản xuất, chế biến, xuất khẩu.

c. Giải pháp nâng cao năng lực quản lý nhà nước

- Cần cải cách thủ tục hành chính theo hướng đơn giản gọn nhẹ, hiệu quả tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp hoạt động xuất khẩu và thu hút các nhà đầu tư nước ngoài.

- Ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ và quy hoạch quỹ đất để khuyến khích mọi tổ chức, cá nhân có nhu cầu và có đủ điều kiện tham gia thành lập, phát triển cơ sở đào tạo, dạy nghề.

- Tích hợp mạnh mẽ hoạt động “xúc tiến xuất khẩu” trong hoạt động của Trung tâm khuyến công và xúc tiến thương mại để hỗ trợ cho các doanh nghiệp trong tình phát triển mặt hàng và mở rộng thị trường xuất khẩu.

d) Giải pháp nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp

- Doanh nghiệp cần tích cực triển khai việc áp dụng các mô hình quản trị doanh nghiệp, tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh một cách khoa học để hạ giá thành sản phẩm, giảm chi phí lưu thông.

- Mở rộng liên doanh liên kết với các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh nhằm tạo sức mạnh về vốn và hàng hóa đủ đáp ứng nhu cầu thị trường và đủ sức cạnh tranh với các nước.

VI. TÓM TẮT THỰC HIỆN

1. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư

a) Các dự án thuộc lĩnh vực sản xuất nông nghiệp:

- Dự án xây dựng khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao
- Phát triển hạ tầng các vùng nuôi trồng thủy sản nước ngọt và nước lợ tại các huyện Vĩnh Linh, Gio Linh, Triệu Phong, Hải Lăng, Cam Lộ và TP Đông Hà cũng như khu vực ven sông Bến Hải.

- Dự án phát triển cao su Tiểu điền (Triệu Phong, Hải Lăng, Hướng Hóa, Vĩnh Linh).

b) Công nghiệp sản xuất điện

- Dự án nhà máy điện khí với công suất 3 x 750MW.
- Dự án nhà máy nhiệt điện với công suất khoảng 2x600MW (đặt tại Khu kinh tế Đông-Nam Quảng Trị) bằng nguồn nguyên liệu than.

c) Công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy hải sản, thực phẩm

Xây dựng các dự án thuộc công nghiệp chế biến nông sản thực phẩm ứng dụng công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, đa dạng hóa sản phẩm, cải tiến, nâng cao chất lượng sản phẩm đạt tiêu chuẩn vệ sinh, an toàn thực phẩm, đáp ứng nhu cầu trong nước và quốc tế, như:

- Nhà sản xuất nguyên liệu, chế biến thức ăn chăn nuôi, thủy sản và chế phẩm sinh học công suất 10.000 tấn sản phẩm/năm

- Nhà máy sản xuất rượu, bia, nước giải khát các loại với công suất 50 triệu lít sản phẩm các loại/năm.

- Nhà máy chế biến gỗ công nghiệp, các sản phẩm từ gỗ 50.000m³/năm.

- Nhà máy sản xuất sản phẩm từ cao su 50.000 tấn/năm.

d) Công nghiệp dệt may - da giày

- Dự án nhà máy gia công may, giày da xuất khẩu sử dụng 10.000 nhân công.

đ) Các dự án công nghiệp khác

- Nhà máy sản xuất thủy tinh, pha lê, kính với công suất 20.000 tấn sản phẩm/năm.

e) Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ XNK

- Xây dựng cơ sở hạ tầng khu kinh tế Đông Nam

- Xây dựng cảng biển Mỹ Thủy với diện tích 995ha.

- Xây dựng trung tâm thương mại tại Đông Hà với qui mô 4-5ha.

- Xây dựng kho ngoại quan và dịch vụ logistics diện tích 10ha.

2. Chương trình, dự án thực hiện đề án phát triển xuất khẩu

STT	Tên chương trình, dự án	Tổng kinh phí (triệu đồng)	Phân theo nguồn vốn		Phân theo thời gian thực hiện		Đơn vị thực hiện
			Nguồn ngân sách	Nguồn khác	Giai đoạn 2017-2020	Giai đoạn 2021-2030	
I	TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN NÂNG CAO VAI TRÒ XUẤT KHẨU HÀNG HÓA ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ CỦA TỈNH Mục tiêu: Cung cấp kiến thức, kinh nghiệm, lợi ích xuất khẩu hàng hóa đối với sự phát triển kinh tế của tỉnh						
1	Phổ biến, tuyên truyền về lợi ích phát triển xuất khẩu cho DN, hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh và quảng bá các doanh nghiệp xuất khẩu điển hình thông qua các hoạt động truyền thông trên báo giấy, báo điện tử, truyền thanh, truyền hình, ấn phẩm, mạng xã hội và các hình thức khác.	420	350	70	120	300	Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các Sở ngành, đơn vị, doanh nghiệp liên quan

STT	Tên chương trình, dự án	Tổng kinh phí (triệu đồng)	Phân theo nguồn vốn		Phân theo thời gian thực hiện		Đơn vị thực hiện
			Nguồn ngân sách	Nguồn khác	Giai đoạn 2017-2020	Giai đoạn 2021-2030	
2	Tổ chức các sự kiện thúc đẩy phát triển sản xuất các sản phẩm xuất khẩu trên địa bàn tỉnh.	1.200	700	500	343	857	Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các Sở ngành, đơn vị, doanh nghiệp liên quan
3	Xây dựng và tổ chức thực hiện giải thưởng của tỉnh về doanh nghiệp xuất khẩu	600	300	300	55	545	Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các Sở ngành, đơn vị, doanh nghiệp liên quan
II	PHÁT TRIỂN CÁC SẢN PHẨM XUẤT KHẨU, GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ XUẤT KHẨU Mục tiêu: Xây dựng các sản phẩm xuất khẩu, giải pháp nâng cao hiệu quả xuất khẩu cho các cơ quan quản lý doanh nghiệp						
1	Hỗ trợ phát triển hệ thống thương mại điện tử tỉnh Quảng trị giai đoạn đến năm 2020 và xây dựng đề án phát triển thương mại điện tử đến năm 2030	1.400	1.000	400	400	1.000	Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương, các Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài chính đơn vị, doanh nghiệp liên quan
2	Hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ, áp dụng công nghệ tiên tiến vào sản xuất, chế	7.000	5.000	2.000	2000	5.000	Sở Công Thương chủ trì, phối hợp đơn vị, doanh nghiệp liên quan

STT	Tên chương trình, dự án	Tổng kinh phí (triệu đồng)	Phân theo nguồn vốn		Phân theo thời gian thực hiện		Đơn vị thực hiện
			Nguồn ngân sách	Nguồn khác	Giai đoạn 2017-2020	Giai đoạn 2021-2030	
	biển, kinh doanh hàng xuất khẩu						
3	Triển khai các chương trình, giải pháp để xây dựng thương hiệu cho các hàng hóa xuất khẩu chủ lực của tỉnh	1.600	1.200	400	457	1.143	Sở Công Thương chủ trì, phối hợp sở ngành, đơn vị, doanh nghiệp liên quan
4	Xây dựng đề án thành lập Trung tâm xúc tiến xuất khẩu để hỗ trợ cho các doanh nghiệp trong tỉnh phát triển mặt hàng, mở rộng thị trường xuất khẩu và Trung tâm cung cấp các dịch vụ logistics phục vụ cho xuất nhập khẩu hàng hóa và các ngành dịch vụ khác	10.000	10.000	0	3000	7.000	UBND tỉnh, Sở Công Thương, Sở Nội vụ
5	Hỗ trợ, nâng cao năng lực cho các doanh nghiệp xuất khẩu tham gia các sàn giao dịch TMĐT; Sàn giao dịch hàng hóa uy tín trong nước và thế giới	2.000	1.000	1.000	462	1.538	Sở Công Thương chủ trì, phối hợp đơn vị, doanh nghiệp liên quan

STT	Tên chương trình, dự án	Tổng kinh phí (triệu đồng)	Phân theo nguồn vốn		Phân theo thời gian thực hiện		Đơn vị thực hiện
			Nguồn ngân sách	Nguồn khác	Giai đoạn 2017-2020	Giai đoạn 2021-2030	
6	Phát triển các giải pháp xây dựng nội dung và tiếp thị trực tuyến dành cho sản phẩm xuất khẩu trên địa bàn tỉnh	1.200	700	500	277	923	Sở Công Thương; Sở Thông tin và Truyền thông, đơn vị, doanh nghiệp liên quan
III	TƯ VẤN XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN XUẤT KHẨU HÀNG HÓA Mục tiêu: Điều tra thống kê thực trạng phát triển hàng xuất khẩu hàng năm qua đó tham mưu Lãnh đạo tỉnh xây dựng kế hoạch phát triển xuất khẩu hàng hóa hàng năm đúng với tình hình thực tế						
1	Xây dựng kế hoạch phát triển dịch vụ logistics của tỉnh đến năm 2025 phục vụ phát triển hạ tầng cho hoạt động xuất khẩu						Sở Công Thương; sở ngành, đơn vị, doanh nghiệp liên quan
2	Điều tra, khảo sát, thống kê về tình hình xuất khẩu và Xây dựng kế hoạch phát triển hàng xuất khẩu theo ngành hàng, đặc biệt là các lĩnh vực có tiềm năng xuất khẩu cao.	900	420	480	208	692	Sở Công Thương; sở ngành, đơn vị, doanh nghiệp liên quan
3	Nghiên cứu thị trường có liên quan đến xuất khẩu hàng hóa chủ lực của tỉnh	350	150	200	81	269	Sở Công Thương; sở ngành, đơn vị, doanh nghiệp liên quan

STT	Tên chương trình, dự án	Tổng kinh phí (triệu đồng)	Phân theo nguồn vốn		Phân theo thời gian thực hiện		Đơn vị thực hiện
			Nguồn ngân sách	Nguồn khác	Giai đoạn 2017-2020	Giai đoạn 2021-2030	
IV	HỢP TÁC TRONG NƯỚC VÀ QUỐC TẾ VỀ XUẤT KHẨU HÀNG HÓA Mục tiêu: Thúc đẩy hợp tác trong và ngoài nước trong công tác xúc tiến xuất khẩu hàng hóa cho các cơ quan quản lý nhà nước và doanh nghiệp tỉnh Quảng Trị với các tỉnh ngành trong cả nước và các tổ chức quốc tế						
1	Tham gia các hoạt động hợp tác Trong nước và quốc tế về xuất khẩu tại các tổ chức kinh tế, thương mại quốc tế	1.000	800	200	286	714	Sở Công Thương; sở ngành, đơn vị, doanh nghiệp liên quan
2	Xây dựng chương trình liên kết trong mở rộng vùng nguyên liệu, sản xuất và tiêu thụ nông lâm sản của tỉnh Quảng Trị với một số tỉnh nước bạn có điều kiện tương đồng thông qua tham quan, học tập kinh nghiệm, hợp tác đầu tư...	700	500	200	200	500	Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, đơn vị, doanh nghiệp có liên quan
3	Hợp tác cải cách hành chính, cải thiện chất lượng các dịch vụ phục vụ xuất khẩu						Sở Công Thương; sở ngành, đơn vị, doanh nghiệp liên quan
4	Triển khai Hiệp định thương mại biên giới Việt Nam - Lào	600	400	200	171	429	Sở Công Thương; sở ngành, đơn vị, doanh nghiệp liên quan

STT	Tên chương trình, dự án	Tổng kinh phí (triệu đồng)	Phân theo nguồn vốn		Phân theo thời gian thực hiện		Đơn vị thực hiện
			Nguồn ngân sách	Nguồn khác	Giai đoạn 2017-2020	Giai đoạn 2021-2030	
V	<p align="center">ĐÀO TẠO PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC PHỤC VỤ XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG HÓA VÀ NÂNG CAO NĂNG LỰC QUẢN LÝ VÀ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN XUẤT KHẨU HÀNG HÓA</p> <p>Mục tiêu: Đào tạo bồi dưỡng và tập huấn nâng cao năng lực và kỹ năng cho nguồn nhân lực phục vụ xuất nhập khẩu cho các doanh nghiệp; năng lực QLNN, kỹ năng tổ chức hoạt động phát triển xuất khẩu; nâng cao hiệu quả thực thi bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, đẩy lùi nạn làm hàng giả, tạo lập môi trường cạnh tranh lành mạnh và cung cấp kiến thức cơ bản về xuất khẩu hàng hóa và các lĩnh vực có liên quan cho cán bộ QLNN</p>						
1	Nâng cấp Công thông tin quản lý hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa trên địa bàn tỉnh Quảng trị	140	140	-	140		Sở Công Thương; Cục Thương mại điện tử và CNTT, Sở Tài chính...
2	Đào tạo, tập huấn ngắn hạn cho doanh nghiệp về xuất nhập khẩu theo địa phương và lĩnh vực kinh doanh; phổ biến kiến thức về các hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam tham gia và đã kết thúc đàm phán; biện pháp chủ động phòng tránh và vượt qua các hàng rào kỹ thuật trong thương mại.	2.100	1.500	600	600	1.500	Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các cục hải quan, Sở Tài chính, Sở khoa học công nghệ, Sở Ngoại vụ; Các Trường ĐH, CĐ trên địa bàn, đơn vị, doanh nghiệp liên quan

STT	Tên chương trình, dự án	Tổng kinh phí (triệu đồng)	Phân theo nguồn vốn		Phân theo thời gian thực hiện		Đơn vị thực hiện
			Nguồn ngân sách	Nguồn khác	Giai đoạn 2017-2020	Giai đoạn 2021-2030	
3	Bồi dưỡng kiến thức xuất nhập khẩu, các khóa tập huấn "Kỹ năng quản lý Nhà nước về xuất nhập khẩu" cho cán bộ quản lý nhà nước.	500	250	250	143	357	Sở Công Thương; Cục Hải quan, đơn vị, doanh nghiệp liên quan
4	Xuất bản tài liệu hướng dẫn, tài liệu tham khảo kinh nghiệm quản lý nhà nước về hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa tại các quốc gia phát triển	300	150	150	30	270	Sở Công Thương; sở ngành, đơn vị, doanh nghiệp liên quan
Tổng kinh phí		32.010	24.560	7.450	8.971	23.039	

3. Tổ chức thực hiện

1. Sở Công Thương

- Là cơ quan chủ trì thực hiện theo chức năng của Sở về xây dựng và tổ chức thực hiện đề án.

- Xây dựng chương trình tuyên truyền, phổ biến, cung cấp thông tin về hàng rào kỹ thuật trong thương mại liên quan đến các doanh nghiệp xuất khẩu trên địa bàn; chính sách hỗ trợ thương mại điện tử của tỉnh; hỗ trợ các doanh nghiệp theo Chương trình khuyến công quốc gia và địa phương trong việc đào tạo lao động - cán bộ quản lý doanh nghiệp, đầu tư máy móc, thiết bị mở rộng sản xuất, xuất khẩu.

- Đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại mở rộng thị trường xuất khẩu; tăng cường công tác phổ biến cung cấp thông tin về thị trường, giá cả, sản phẩm hàng hóa xuất khẩu trên các Trang thông tin điện tử của tỉnh.

- Phát triển mạng lưới điện phục vụ sản xuất chế biến hàng xuất khẩu; thiết lập mối quan hệ với các cơ quan Thương vụ - Tham tán Thương mại Việt Nam tại các nước để tiếp nhận thông tin về tình hình thị trường, các rào cản kỹ thuật trong thương mại,... phổ biến kịp thời đến các doanh nghiệp đề ứng phó và hạn chế rủi ro, tổn thất; tăng cường gặp gỡ, đối thoại với các Hiệp hội ngành hàng, các doanh nghiệp xuất khẩu để nắm tình hình, kịp thời giải quyết hoặc đề xuất UBND tỉnh giải quyết khó khăn vướng mắc cho doanh nghiệp.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội, cân đối, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng phục vụ xuất khẩu, khu quy hoạch sản xuất, xuất khẩu; phối hợp với các sở, ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh bổ sung các chính sách khuyến khích, hỗ trợ xuất khẩu cho doanh nghiệp, đồng thời triển khai thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ của các Bộ, ngành Trung ương.

3. Sở Tài chính: Chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương, Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét, bố trí kinh phí thực hiện Đề án trong dự toán ngân sách địa phương hàng năm.

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Chủ trì phối hợp với các sở, ngành liên quan xây dựng, rà soát các quy hoạch trồng các cây công nghiệp chủ lực tập trung của tỉnh để tạo nguồn nguyên liệu ổn định phục vụ sản xuất, xuất khẩu; tăng cường công tác quản lý Nhà nước về chất lượng, an toàn vệ sinh trong nông nghiệp từ khâu nguyên liệu - bảo quản - tiêu thụ; kiên quyết ngăn chặn tình trạng lạm dụng các hóa chất trong bảo quản sản phẩm....

5. Sở Khoa học và Công nghệ: Cần ưu tiên triển khai các đề tài nghiên cứu ứng dụng các công nghệ tiên tiến trong chế biến và bảo quản các mặt hàng nông sản xuất khẩu, các ứng dụng kiểm soát và truy xuất nguồn gốc; xây dựng các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp về đổi mới, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ và xác lập quyền sở hữu công nghiệp, hỗ trợ xây dựng thương hiệu.

6. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: Xây dựng kế hoạch đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu phát triển của thị trường lao động, gắn với nhu cầu của doanh nghiệp, đặc biệt là đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Chương trình mục tiêu quốc gia; chỉ đạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp liên kết với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp có uy tín ở ngoài tỉnh thực hiện đào tạo, cung cấp lao động đã qua đào tạo theo nhu cầu của doanh nghiệp; các chương trình tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về lao động cho các doanh nghiệp có sử dụng lao động và người lao động trong các doanh nghiệp liên quan đến tiền lương, tiền thưởng, chế độ BHXH, BHYT, an toàn lao động, vệ sinh lao động... theo quy định của pháp luật.

7. Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh: Tiếp tục theo dõi, tham mưu đẩy nhanh việc đầu tư kết cấu hạ tầng các KCN; tham mưu chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi nhằm thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào các KCN đặc biệt là các dự án đầu tư chế biến hàng xuất khẩu; chủ động phối hợp với các sở, ngành liên quan, tạo điều kiện thuận lợi, hỗ trợ các doanh nghiệp trong khu công nghiệp tiếp cận các chính sách hỗ trợ của Trung ương, của tỉnh như: Đầu tư đổi mới công nghệ, thiết bị, đào tạo công nhân - cán bộ quản

lý doanh nghiệp..phối hợp tham gia các chương trình xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm; khuyến khích các doanh nghiệp chế biến các sản phẩm xuất khẩu đầu tư đổi mới công nghệ thiết bị để tăng năng suất, chất lượng, hạ giá thành sản phẩm; chú trọng phát triển các sản phẩm chế biến sâu có giá trị tăng cao.

8. Cục Hải quan tỉnh: Tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện đơn giản hóa các thủ tục xuất, nhập khẩu và giảm bớt thời gian thông quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu; tiếp tục mở rộng việc triển khai thực hiện thủ tục hải quan điện tử trên hệ thống thông quan tự động Vnaccs/Vcis qua mạng Internet đối với các loại hình hàng hóa xuất nhập khẩu và chương trình e-payment (thu nộp thuế qua các ngân hàng thương mại), ký kết với các ngân hàng thương mại trên toàn quốc để thu nộp thuế.

9. Cục Thuế tỉnh: Tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện đơn giản hóa các thủ tục hành chính thuế, tập trung vào thủ tục đăng ký thuế và thủ tục kê khai thuế.

10. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Quảng Trị: Chỉ đạo, hướng dẫn các tổ chức tín dụng, chi nhánh các tổ chức tín dụng trên địa bàn triển khai kịp thời các chương trình tín dụng về phát triển xuất khẩu theo chỉ đạo của Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh hàng xuất khẩu tiếp cận và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn vay phục vụ phát triển sản xuất hàng xuất khẩu, tăng sản lượng hàng hóa xuất khẩu, tăng khả năng tiếp cận thị trường quốc tế.

11. UBND các huyện, thành phố, thị xã: Tăng cường công tác quản lý và triển khai thực hiện các quy hoạch được duyệt trên địa bàn. Căn cứ vào điều kiện thực tế, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng và phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị tổ chức triển khai thực hiện đề án,đẩy mạnh xuất khẩu sản phẩm của địa phương.

Bổ trí cán bộ có năng lực để theo dõi, đôn đốc thực hiện các quy hoạch và kế hoạch sản xuất. Đồng thời, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp trong sản xuất kinh doanh, đẩy mạnh xuất khẩu, kịp thời nắm bắt tình hình và đề xuất giải pháp tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp.

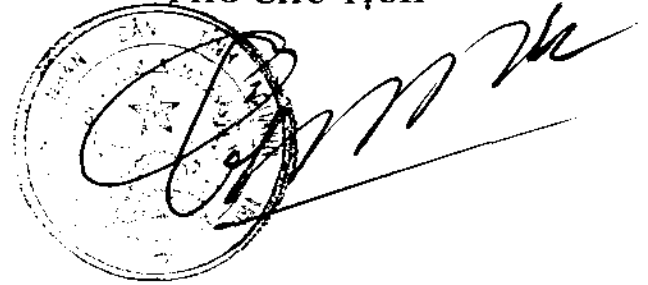
12. Hiệp hội các doanh nghiệp tỉnh: Tích cực tổ chức có hiệu quả việc hỗ trợ doanh nghiệp trong các hoạt động xúc tiến thương mại, nghiên cứu thị trường, thông tin, nghiên cứu giải pháp tiếp cận thị trường, tìm kiếm để nâng cao kim ngạch xuất khẩu.

13. Đối với doanh nghiệp

- Chú trọng việc thực hiện các giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh.
- Tích cực tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại, chủ động tìm kiếm thị trường, bạn hàng.
- Chủ động phát triển vùng nguyên liệu, đảm bảo đầu vào phục vụ sản xuất; mở rộng liên doanh liên kết, hợp tác giữa các doanh nghiệp trong tỉnh, trong vùng, trong khu vực nhằm hợp lý hóa, chuyên môn hóa sản xuất trên cơ sở tận dụng thế mạnh của mỗi doanh nghiệp để mở rộng sản xuất, giảm chi phí, nâng cao năng lực cạnh tranh, đặc biệt là khai thác tối đa nguồn hàng xuất khẩu ngoại tỉnh.

- Đào tạo và thu hút lao động có tay nghề cao, đặc biệt đội ngũ cán bộ làm công tác ngoại thương đủ kiến thức về chuyên môn, ngoại ngữ và luật pháp quốc tế./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Quân Chính